

TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 9

(Giấy đăng ký kinh doanh số 3703000127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hoà cấp ngày 31 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 17 tháng 11 năm 2007)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết số/ĐKNY do Giám đốc Trung tâm giao dịch chứng khoán cấp ngày thángnăm)

Bản cáo bạch này và các tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày tại:

1. Trụ sở Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9
Số 06 đường Hùng Vương - thành phố Nha Trang - tỉnh Khánh Hoà.
2. Trụ sở chính Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)
Số 72 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội
Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
4. Chi nhánh Hải Phòng – Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
Số 22 Lý Tự Trọng – Quận Hồng Bàng – thành phố Hải Phòng

Phụ trách công bố thông tin:

- Họ tên: Phạm Trung Lân Chức vụ: UV HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty
- Số điện thoại: 84.058 521 290 Fax: 84.058 522 394

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 9



VNECO 9
ISO 9001:2000

(Giấy đăng ký kinh doanh số 3703000127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hoà cấp ngày 31 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 17 tháng 11 năm 2007)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9

Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng niêm yết : 3.100.000 cổ phiếu

Tổng giá trị niêm yết : 31.000.000.000 đồng (tính theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

- ◆ Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 63 Trần Khánh Dư, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 5265 796

Fax: (84.8) 8435 590

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

- ◆ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

I. Trụ sở chính

Địa chỉ: Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08-8242897

Fax: 08-8247430

Email: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

II. CN Nguyễn Công Trứ - Công ty Chứng khoán Sài Gòn

180-182 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: 08.821567

Fax: 08.2910590

III. Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 9366 321 Fax: (84.4) 9366 318

Email: ssi_hn@ssi.com.vn

IV. CN Trần Bình Trọng - Công ty Chứng khoán Sài Gòn

25 Trần Bình Trọng - Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: 04. 9426718

Fax: 04. 9426719

V. CN Hải Phòng - Công ty Chứng khoán Sài Gòn

22 Lý Tự Trọng - quận Hồng Bàng - Hải Phòng

ĐT: 031.3569123

Fax: 031.3569130

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1.	Rủi ro về kinh tế.....	6
2.	Rủi ro về luật pháp.....	6
3.	Rủi ro về kinh doanh.....	6
4.	Rủi ro đặc thù ngành.....	7
5.	Rủi ro về thị trường.....	7
6.	Rủi ro khác.....	8
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	8
1.	Tổ chức Niêm yết - Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9.....	8
2.	Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn.....	8
III.	CÁC KHÁI NIỆM	8
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	9
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	9
1.1	Tên, địa chỉ của tổ chức niêm yết	9
1.2	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	10
2.	Cơ cấu tổ chức Công ty.....	12
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty.....	13
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ	18
5.	Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những Công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.	20
5.1	Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty.....	20
5.2	Công ty con Công ty nắm quyền kiểm soát	20

5.3 Công ty liên kết:.....	21
6. Hoạt động kinh doanh.....	21
6.1 Sản phẩm chính của Công ty.....	21
6.2 Sản lượng sản phẩm, dịch vụ qua các năm.....	23
6.3 Quy trình sản xuất các sản phẩm.....	24
6.4 Nguyên vật liệu.....	24
6.5 Chi phí sản xuất.....	26
6.6 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền.....	27
6.7 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết.....	27
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất của Công ty.....	30
7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất.....	30
7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo.....	31
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	32
8.1 Vị thế của công ty trong ngành xây lắp điện và dịch vụ khách sạn, du lịch.....	32
8.2 Triển vọng phát triển của ngành.....	33
8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.....	34
9. Chính sách đối với người lao động.....	34
9.1 Cơ cấu lao động trong Công ty.....	34
9.2 Chính sách đối với người lao động:.....	35
10. Chính sách cổ tức.....	36
11. Tình hình tài chính.....	37
11.1 Các chỉ tiêu cơ bản.....	37
11.2 Giải trình chênh lệch số liệu cuối kỳ bảng cân đối kế toán năm 2005 và số liệu đầu kỳ bảng cân đối kế toán năm 2006.....	41

11.3	Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	42
12.	Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	43
12.1	Thành viên Hội đồng Quản trị	43
12.2	Thành viên Ban Kiểm soát.....	49
12.3	Thành viên Ban giám đốc (xem Lý lịch chi tiết phần Sơ yếu Lý lịch Thành viên HĐQT)	53
13.	Tài sản	53
14.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2007 - 2009.....	56
15.	Căn cứ để đạt được kế hoạch về lợi nhuận và cổ tức nói trên	59
16.	Đánh giá của Tổ chức Tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	61
17.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết	62
18.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu.....	62
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	62
1.	Loại chứng khoán.....	62
2.	Mệnh giá	62
3.	Tổng số chứng khoán niêm yết	62
4.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức hiện hành	62
5.	Phương pháp tính giá	63
6.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:	63
7.	Các loại thuế có liên quan:	63
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT NIÊM YẾT	63
1.	Tổ chức Tư vấn	63
2.	Tổ chức Kiểm toán.....	64
VII.	PHỤ LỤC.....	64

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây đạt tốc độ phát triển cao: năm 2002 đạt 7,1%, năm 2003 đạt 7,3%, năm 2004 đạt 7,7%, năm 2005 đạt 8,4%, năm 2006 là 8,17% và 9 tháng đầu năm 2007 tăng 8,16% (Trong đó: Công nghiệp, xây dựng tăng 10,15%, du lịch dịch vụ khách sạn tăng 8,54%). Tuy nhiên, trong 9 tháng đầu năm tỷ lệ lạm phát đạt mức 7,32%. Giá cả của một số mặt hàng như Xi măng, sắt thép tăng cao, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhưng với chính sách bình ổn giá của Chính phủ để đảm bảo tốc độ tăng trưởng GDP đạt 8,5% cả năm 2007, do vậy, lĩnh vực xây dựng có nhiều cơ hội phát triển, tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Mặt khác, lượng khách du lịch quốc tế vào Việt Nam tăng 14,7% so với cùng kỳ năm 2006 là điều kiện thuận lợi cho các dịch vụ du lịch khách sạn phát triển.

Ngược lại, khi nền kinh tế bước vào thời kỳ suy thoái, tốc độ tăng trưởng giảm, nguồn vốn đầu tư giảm, các nhà đầu tư sẽ không có nhu cầu về cơ sở hạ tầng cho sản xuất kinh doanh, tác động tiêu cực đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Hệ thống pháp luật của Việt Nam chưa thật sự hoàn chỉnh, Luật chứng khoán mới có hiệu lực, còn thiếu nhiều văn bản pháp lý điều chỉnh cụ thể. Khi thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng, Công ty phải tuân thủ các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Bất kỳ sự thay đổi nào trong các quy định của pháp luật cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro về kinh doanh

Rủi ro về nguyên vật liệu: Sắt thép, kim loại màu (nhôm, đồng, kẽm) và nhiên liệu chiếm phần lớn trong cơ cấu chi phí xây lắp các công trình điện. Do vậy sự biến động về giá cả của các chủng loại sắt thép, giá cả của một số mặt hàng chủ yếu cũng như giá xăng, dầu có ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Rủi ro về chiếm dụng vốn: đây là rủi ro lớn nhất của Công ty. Hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, công ty thường xuyên bị chiếm dụng vốn. Sau khi hoàn thành công việc, Công ty thường phải đợi các hạng mục khác của dự án được hoàn thiện và chủ đầu tư thực hiện quyết toán, kiểm toán. Sau khi kiểm toán xong, chủ đầu tư chỉ chấp nhận thanh toán khoảng 95% giá trị hợp đồng và giữ lại 5% giá trị hợp đồng để bảo hành sản phẩm. Tùy loại hình sản phẩm, sau 1-2 năm khách hàng mới thanh toán hết 5% còn lại.

Rủi ro về môi trường du lịch: Việt Nam có một nền chính trị ổn định, an toàn đã tạo được niềm tin cho nhiều du khách nước ngoài. Du khách nước ngoài tìm đến Việt Nam không chỉ với mục đích tìm kiếm cơ hội kinh doanh mà còn mong tìm thấy ở Việt Nam những nét đặc trưng riêng biệt của phong cảnh, con người và dân tộc. Sau khi Việt Nam trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Quốc tế và tham gia tích cực vào các hoạt động của một số tổ chức khác trong khu vực và quốc tế đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của công dân các nước vào Việt Nam, lượng khách du lịch quốc tế vào Việt Nam tăng cao (6 tháng đầu năm tăng 14,7%). Tuy nhiên, do Việt Nam không có một quy hoạch rõ ràng để phát triển du lịch, việc khai thác, sử dụng các cảnh quan du lịch còn kém, ô nhiễm môi trường, các dịch vụ còn đơn điệu, cơ sở hạ tầng còn yếu kém, phí dịch vụ còn cao ... nên lượng khách du lịch nước ngoài trở lại Việt Nam lần thứ hai chưa đến 5%. Điều này ảnh hưởng đến hoạt động du lịch khách sạn tại Việt Nam nói chung và khu vực Nha Trang nói riêng, làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

4. Rủi ro đặc thù ngành

Ngành xây lắp điện có tính không ổn định, trong quá trình thi công phụ thuộc nhiều vào tiến độ cung cấp hàng của chủ đầu tư và công tác đền bù giải phóng mặt bằng. Đồng thời, nghề xây lắp điện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do làm việc trên cao dễ xảy ra tai nạn lao động.

5. Rủi ro về thị trường

Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại Quốc tế WTO sẽ tạo cơ hội và thách thức đòi hỏi thị trường xây lắp điện phải gia tăng năng lực cạnh tranh, phát triển phù hợp tiêu chuẩn và thông lệ Quốc tế.

Việc mở cửa thị trường sẽ tạo ra áp lực cạnh tranh rất cao đối với những doanh nghiệp xây lắp điện hiện đang hoạt động. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với tiềm lực tài chính mạnh mẽ và phong cách quản lý hiện đại sẽ là những đối thủ cạnh tranh thực sự đối với các doanh nghiệp trong nước.

6. Rủi ro khác

Ngoài ra, hoạt động kinh doanh của Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác mang tính bất khả kháng ít có thể xảy ra nhưng nếu có thì sẽ tác động lớn đến tình hình kinh doanh của Công ty, đó là những rủi ro về thiên tai (hạn hán, bão lụt), dịch họa, sự biến động của chính trị, chiến tranh, bệnh dịch....

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức Niêm yết - Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9

Ông Nguyễn Văn Duyệt Chức vụ: Chủ tịch HĐQT - Giám đốc

Ông Phạm Trung Lân Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông Dương Chí Lược Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

Đại diện: Bà Đỗ Thanh Hương. Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký niêm yết do Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội (SSI) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9 cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty: Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9

Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9

HDQT:	Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9
SSI:	Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội – Đơn vị tư vấn
HASTC	Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Điều lệ Công ty:	Điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9
CP	Cổ phần
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Tên, địa chỉ của tổ chức niêm yết

- ◆ Tên gọi : Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9
- ◆ Tên giao dịch quốc tế : VNECO 9 Electricity Construction Joint Stock Company
- ◆ Tên viết tắt : VNECO 9
- ◆ Địa chỉ : Số 06 đường Hùng Vương - thành phố Nha Trang - tỉnh Khánh Hoà
- ◆ Điện thoại: 84.058 525 404 Fax: 84.058 522 394
- ◆ Website: www.vneco9.com Email: vneco9@yahoo.com



VNECO 9

- ◆ Logo : ISO 9001:2000
- ◆ Mã số thuế : 4200580651

- ◆ Ngành nghề kinh doanh : Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp đến 500KV, các công trình nguồn điện; xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi; Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới; Sản xuất kinh doanh các loại vật liệu xây dựng; Kinh doanh các mặt hàng trang trí nội, ngoại thất, dịch vụ nhà đất; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ kèm theo; Kinh doanh vận chuyển hành khách du lịch đường thủy, đường bộ; Kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế và nội địa, massage và các dịch vụ khác; Kinh doanh vận tải hàng hóa và các ngành nghề khác
- ◆ Vốn điều lệ : 31.000.000.000 (Ba mươi một tỷ đồng chẵn)

1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9, tiền thân là Tổng đội Xây lắp điện 3, được thành lập theo Quyết định số 118 ĐVN/XLĐ3-TCCB-LĐ ngày 25/10/1995 của Giám đốc Công ty Xây lắp Điện 3 (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam). Ngày 18/05/1999, Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam đã có quyết định số 15/QĐ-HĐQT về việc thành lập Xí nghiệp Xây lắp Điện Nha Trang trực thuộc Công ty Xây lắp Điện 3 trên cơ sở tổ chức lại Tổng đội Xây lắp điện 3. Ngày 10/05/2003, Tổng Giám đốc Công ty Xây lắp Điện 3 có Quyết định số 2418QĐ/XLĐ-TH về việc thành lập Công ty Xây lắp Điện 3.9 trên cơ sở tổ chức lại Xí nghiệp Xây lắp Điện Nha Trang. Ngày 06/12/2004, Bộ Công nghiệp có Quyết định số 160/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Công ty Xây lắp Điện 3.9 thành Công ty Cổ phần Xây lắp Điện 3.9. Ngày 09/02/2006, Công ty Cổ phần Xây lắp Điện 3.9 được đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9.

Quá trình tăng vốn của Công ty như sau:

Bảng 1: *Quá trình tăng vốn của Công ty*

THỜI GIAN	VỐN ĐIỀU LỆ	GIÁ TRỊ TĂNG	PHƯƠNG THỨC	GHI CHÚ
Đăng ký lần đầu 31/12/2004	4.100.000.000			Mệnh giá 100.000đ/Cp
10/05/2005 (*)	10.250.000.000	6.150.000.000	Bán cho cổ đồng hiện hữu theo tỷ lệ 1:1,5	
22/05/2006 (**)	14.500.000.000	4.250.000.000	Phát hành cổ	

THỜI GIAN	VỐN ĐIỀU LỆ	GIÁ TRỊ TĂNG	PHƯƠNG THỨC	GHI CHÚ
			phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:1,5 và quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:2,7	
20/11/2007 (***)	31.000.000.000	16.500.000.000	Theo phương án phát hành theo Giấy chứng nhận chào bán số 207/UBCK-GCN ngày 05/11/2007 của Ủy ban Chứng khoán	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9)

(*) Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2005 của Công ty Cổ phần Xây lắp Điện 3.9 về việc tăng vốn điều lệ và ủy quyền cho HĐQT thực hiện việc bán cổ phần tăng thêm.

(**) Tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2006. Thưởng cổ phiếu từ quỹ đầu tư phát triển 1.500.000.000 đồng theo tỷ lệ 10:1,5; cổ đông hiện hữu mua thêm 2.750.000.000 đồng theo tỷ lệ 10:2,7.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 22/05/2006 là: 14.500.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2006, vốn góp của các đối tượng khác là 14.459.600.000 đồng, số còn thiếu là 40.400.000 đồng.

Đến ngày 05/01/2007, cổ đông Lê Ngọc Anh, Nguyễn Công Quyền nộp tiền mua cổ phiếu với tổng số tiền là 40.400.000 đồng.

Tại ngày 05/01/2007, các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ là: 14.500.000.000 đồng.

(***) Phát hành tăng vốn từ 14,5 tỷ lên 31 tỷ, phương án cụ thể:

- Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10: 01 (mười cổ phiếu cũ được thưởng 01 cổ phiếu mới), số lượng cổ phiếu phát hành 145.000 cổ phiếu;
- Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1, số lượng cổ phiếu phát hành 1.450.000 cổ phiếu;
- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động 55.000 cổ phiếu.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9 được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- o Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/07/2006.
- o Điều lệ Công ty được Đại hội đồng Cổ đông lần đầu ngày 31/12/2004 thông qua và Điều lệ sửa đổi bổ sung lần thứ nhất được Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 18 tháng 5 năm 2007, Điều lệ sửa đổi bổ sung lần thứ hai được thông qua Đại hội đồng Cổ đông lần thứ 2 theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày 14 tháng 12 năm 2007 nhất trí thông qua và có hiệu lực đến nay.

◆ Trụ sở chính:

- Số 06 đường Hùng Vương - thành phố Nha Trang - tỉnh Khánh Hoà
- Điện thoại: 84.058 525 404 Fax: 84.058 522 394

◆ Chi nhánh Công ty tại thành phố Huế

- Địa chỉ: B8 Phạm Văn Đồng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
- Điện thoại : (84.054) 527 903

◆ Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: Số 22 - 24 Đường 52 phường Tân Tạo - quận Bình Tân - thành phố Hồ Chí Minh;
- Điện thoại (84.08) 7 540 595

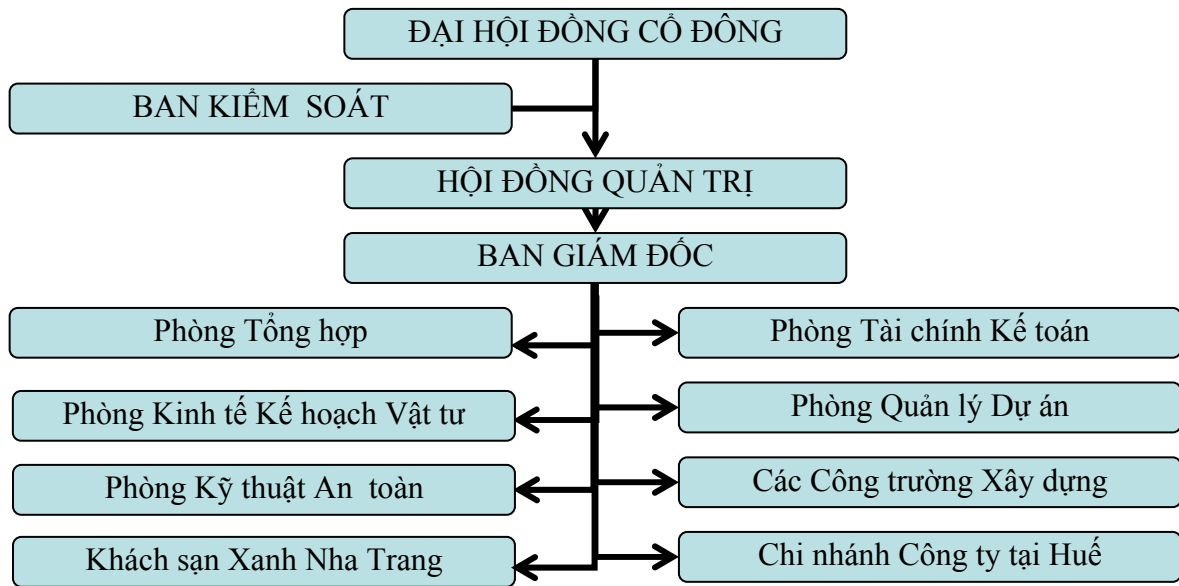
◆ Khách sạn Xanh Nha Trang

- Số 06 đường Hùng Vương - thành phố Nha Trang - tỉnh Khánh Hoà
- Điện thoại: 84.058 525 405 Fax: 84.058 525 865

3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần như sau:

Hình 1: Cơ cấu Bộ máy quản lý của Công ty



(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9)

◆ Đại hội đồng Cổ đông

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

◆ Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra. Cơ cấu Hội đồng Quản trị hiện tại như sau:

Ông Nguyễn Văn Duyệt	- Chủ tịch
Ông Thái Bá Tuấn	- Ủy viên
Ông Phạm Trung Lân	- Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Cải	- Ủy viên

Ông Nguyễn Văn Kích - Ủy viên

♦ **Ban kiểm soát**

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Cơ cấu Ban Kiểm soát hiện tại như sau:

Ông Dương Chí Lục - Trưởng ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Đình Hà - Ủy viên

Ông Trương Văn Sanh - Ủy viên

♦ **Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc bao gồm Giám đốc và các phó Giám đốc, do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Cơ cấu Ban Giám đốc hiện tại như sau:

Ông Nguyễn Văn Duyệt - Giám đốc

Ông Thái Bá Tuấn - Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch vật tư

♦ **Phòng Kinh tế - Kế hoạch - Vật tư**

Phòng Kinh tế - Kế hoạch - Vật tư là phòng nghiệp vụ, tham mưu giúp việc Giám đốc và Phó Giám đốc Công ty trong lĩnh vực như lập kế hoạch, điều độ sản xuất, công tác vật tư, quản lý xe máy và thiết bị thi công. Nhiệm vụ cụ thể:

- ✓ Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh cho hàng tháng, quý, năm của Công ty, đơn đốc và theo dõi việc thực hiện tiến độ kế hoạch của các bộ phận sản xuất. Lập dự toán theo khối lượng và hồ sơ thanh quyết toán khối lượng công trình, tham gia đấu thầu, nhận thầu các công trình xây dựng;
- ✓ Xây dựng quy chế quản lý vật tư, thiết bị, phương tiện, dụng cụ và máy thi công của Công ty nhằm đảm bảo tiết kiệm chi phí;
- ✓ Chủ động trong việc lập kế hoạch tiếp nhận vật tư, thiết bị và tổ chức tốt việc cung cấp vật tư thiết bị đến tận công trình cho các tổ, đội sản xuất;
- ✓ Tham mưu cho Giám đốc chọn đơn vị cung cấp vật tư trên cơ sở chào giá cạnh tranh, chịu trách nhiệm về chất và số lượng hàng hoá...

◆ Phòng Kỹ thuật An toàn

Phòng Kỹ thuật An toàn tham mưu cho Giám đốc Công ty về công tác kỹ thuật, công tác an toàn, thi nâng bậc và công tác sáng kiến. Nhiệm vụ cụ thể:

- ✓ Lập phương án tổ chức thi công cho các công trình, khi phương án được duyệt thì hướng dẫn cho các bộ phận thi công thực hiện;
- ✓ Thường xuyên kiểm tra theo dõi điều chỉnh các biện pháp thi công cho phù hợp với điều kiện thực tế để bộ phận thi công hoàn thành đúng tiến độ, hiệu quả kinh tế cao;
- ✓ Xây dựng các quy trình kỹ thuật và hướng dẫn giám sát việc thực hiện các quy trình quy phạm kỹ thuật đối với các bộ phận sản xuất;
- ✓ Theo dõi và chịu trách nhiệm về chất lượng và khối lượng xây lắp của các Tổ, Đội sản xuất;
- ✓ Chủ trì tổ chức nghiệm thu kỹ thuật các công trình, chịu trách nhiệm chất lượng hồ sơ hoàn công;
- ✓ Biên soạn giáo trình bồi dưỡng huấn luyện nâng cao trình độ tay nghề cho công nhân, đánh giá kết quả thi nâng bậc;
- ✓ Lập các đề án về đổi mới công nghệ, trang thiết bị máy móc, dụng cụ thi công;
- ✓ Chỉ đạo các thành viên trong phòng thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động, xây dựng kế hoạch bảo hộ lao động hàng năm, tổ chức huấn luyện các quy trình, quy phạm kỹ thuật an toàn cho người lao động, cấp thẻ an toàn kỹ thuật, thực hiện tốt công tác phòng chống cháy nổ, an toàn điện, máy móc, thiết bị...
- ✓ Kết hợp với Phòng Tổng hợp tổ chức điều tra, lập hồ sơ, giải quyết các vụ tai nạn lao động.

◆ Phòng Tổng hợp

Phòng Tổng hợp tham mưu giúp việc cho Giám đốc Công ty và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về công tác tổ chức, quản lý lao động, tiền lương và công tác hành chính. Thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến quản trị nhân sự và hành chính trong Công ty. Nhiệm vụ cụ thể:

- ✓ Xây dựng mô hình sản xuất kinh doanh của Công ty theo từng giai đoạn phát triển;

- ✓ Lập quy trình, quy định về việc phát hành, lưu trữ tài liệu, hồ sơ;
- ✓ Xây dựng quy trình đào tạo, tuyển dụng, đề bạt cán bộ công nhân viên;
- ✓ Tính toán, chi trả lương, thưởng, các khoản thu nhập khác và đóng đầy đủ các loại hình bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên toàn Công ty;
- ✓ Phối hợp với các phòng ban và chịu trách nhiệm chính trong công tác tổ chức học an toàn, nâng bậc, nâng lương hàng năm cho công nhân;
- ✓ Thực hiện các công việc hành chính, khánh tiết của Công ty...

◆ **Phòng Tài chính - Kế toán**

Phòng Tài chính - Kế toán tham mưu giúp việc cho Giám đốc Công ty và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về công tác Tài chính, Kế toán. Nhiệm vụ cụ thể:

- ✓ Lập kế hoạch tài chính trong năm kế hoạch và kế hoạch dài hạn 3 năm;
- ✓ Lập kế hoạch và phân chia lợi nhuận năm kế hoạch;
- ✓ Tìm kiếm các nguồn vốn để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị;
- ✓ Thực hiện các quy định về kế toán, kiểm toán và thuế theo quy định của Nhà nước;
- ✓ Thực hiện quản lý tài chính của Công ty như quản lý các khoản công nợ, chi phí sản xuất kinh doanh...

◆ **Phòng Quản lý Dự án Đầu tư**

Phòng Quản lý Dự án Đầu tư tham mưu giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về tìm kiếm, quản lý các dự án. Nhiệm vụ cụ thể:

- ✓ Tìm hiểu quy hoạch của các tỉnh, thành, ngành, tính pháp lý, mô hình hoạt động của các ngành nghề theo chiến lược kinh doanh của Công ty;
- ✓ Tiếp cận thực tế các dự án đã triển khai để học tập kinh nghiệm;
- ✓ Lập Dự án, xây dựng mô hình sản xuất kinh doanh trình Hội đồng Quản trị xem xét.

◆ **Khách sạn Xanh Nha Trang**

Khôi quản lý khách sạn, thay mặt Giám đốc Công ty điều hành các hoạt động kinh doanh phòng nghỉ, nhà hàng, bar, phục vụ hội nghị, tiệc cưới, hướng dẫn du lịch. Nhiệm vụ cụ thể:

- ✓ Tổ chức bộ máy khách sạn đáp ứng tốt nhất nhiệm vụ, kế hoạch kinh doanh do Công ty giao;
- ✓ Căn cứ vào kế hoạch doanh thu được giao cho khối khách sạn trong năm kế hoạch đã được đại hội thường niên Đại hội đồng cổ đông thông qua. Khối khách sạn sẽ lập kế hoạch doanh thu của đơn vị mình theo từng tháng quý và 6 tháng;
- ✓ Chấp hành đầy đủ các quy định của Công ty ban hành.

◆ **Chi nhánh Công ty tại Huế**

Là đơn vị được Công ty uỷ quyền thực hiện sản xuất kinh doanh theo chức năng của Công ty theo văn bản uỷ quyền hoặc giao nhiệm vụ của Giám đốc Công ty.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Bảng 2: *Danh sách Cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của*

Công ty thời điểm 19/11/2007

T T	CỔ ĐÔNG	SỐ CMTND /ĐKKD	NƠI CẤP	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN	GT THEO MỆNH GIÁ (ĐỒNG)	TỶ TRỌNG / VỐN ĐIỀU LỆ (%)
1	Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (VNECO)	3203000819	Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng	233 Trần Phú-Quận Hải Châu- Thành phố Đà Nẵng	756.210	7.562.100.000	24,40%
2	Nguyễn Văn Dục	225088342	Công an Khánh Hòa	A15.06 DPN TOWER,2 43 Chu văn An, Quận Bình Thạnh, TP HCM	506.654	5.066.540.000	16,34%
3	Phạm Trung Lân	225375761	Công an Khánh Hòa	166 Mê Linh- Nha Trang	155.000	1.550.000.000	5,00 %
4	Nguyễn Chí Linh	010455123	Công an TP Hà Nội	226 Tây Sơn- Phường Trung Liệt - Quận Đống Đa- Hà Nội	460.950	4.609.500.000	14,86 %
Tổng cộng					1.878.814	18.788.140.000	60,6%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9)

Bảng 3: *Danh sách Cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ (*)*

TT	CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NẮM GIỮ			GT THEO MỆNH GIÁ (ĐỒNG)	TỶ TRỌNG / VỐN ĐIỀU LỆ (%)
		Hạn chế chuyển nhượng (*)	Chuyển nhượng tự do	Tổng số cổ phần nắm giữ		
1	Cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (VNECO)	102.500	653.710	756.210	7.562.100.000	24,40%
2	Ông Nguyễn Văn Dụ	43.810	462.844	506.654	5.066.540.000	16,34%
3	Ông Phạm Trung Lân	14.290	140.710	155.000	1.550.000.000	5,00%
4	Ông Thái Bá Tuấn	13.950	100.205	114.155	1.141.550.000	3,68%
5	Ông Lưu Văn Kích	7.200	7.060	14.260	146.200.000	0,47%
6	Ông Nguyễn Văn Cải	7.750	4.010	11.760	117.600.000	0,38%
	Tổng cộng	189.500	1.368.899	1.558.399	15.583.990.000	50,27%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9)

(*)*Tại thời điểm ngày 17 /11/2007 trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6.*

Căn cứ giấy đăng ký kinh doanh lần đầu số 3703000127 ngày 31/12/2004, số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập: 189.500 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 46,22% trên tổng số cổ phần tại thời điểm đăng ký kinh doanh lần đầu là: 410.000 cổ phiếu tương đương 4,1 tỷ đồng vốn điều lệ và số cổ phiếu này sẽ được tự do chuyển nhượng sau ngày 31/12/2007.

Theo Luật doanh nghiệp, trong vòng 3 năm kể từ ngày công ty thành lập các cổ đông sáng lập kể trên chỉ được tự do chuyển nhượng phần cổ phần sáng lập cho cổ đông sáng lập khác trong Công ty. Trường hợp cổ đông sáng lập muốn chuyển nhượng cho cổ đông khác không phải là cổ đông sáng lập thì phải được sự thông qua của Đại hội đồng Cổ đông.

- Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 20/11/2007 như sau:

Bảng 4: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 20 /11/2007

T T	CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN	GT THEO MỆNH GIÁ (ĐỒNG)	TỶ LỆ (%)
1	Cổ đông sáng lập	1.558.399	15.583.990.000	50,27
2	Cổ đông phổ thông	1.541.601	15.416.010.000	49,73
	Tổng	3.100.000	31.000.000.000	100
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0
2	Cán bộ công nhân viên	1.369.086	13.690.860.000	43,11
3	Cổ đông bên ngoài	1.730.914	17.309.140.000	56,89
	Tổng	3.100.000	31.000.000.000	100
1	Cổ đông trong nước	3.100.000	31.000.000.000	100
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	Tổng	3.100.000	31.000.000.000	100

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9)

- 5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những Công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.**

5.1 Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty

Công ty không có Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.

5.2 Công ty con Công ty nắm quyền kiểm soát

Công ty Cổ phần Du Lịch Xanh Nha Trang với vốn điều lệ 40 tỷ đồng, Công ty nắm giữ 75% vốn. Hiện nay, Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang có giấy phép đăng ký

kinh doanh số: 3703000267 do Sở KH&ĐT Tỉnh Khánh Hoà cấp ngày 29/05/2007. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang đang trong giai đoạn đầu tư dự án nên chưa có doanh thu, lợi nhuận nên Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 9 chưa lập báo cáo tài chính hợp nhất. Đến thời điểm 20/11/2007, Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 9 đã thực hiện góp vốn 15 tỷ vào ty Cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang, nguồn vốn góp từ đợt phát hành ngày 20/11/2007.

5.3 Công ty liên kết:

Theo Biên bản ghi nhớ ngày 27 tháng 8 năm 2007 giữa 3 đơn vị là Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa, Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (VNECO) và Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9 về việc thành lập Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò, Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Chò đã được thành lập và đi vào hoạt động, giấy phép đăng ký kinh doanh số: 3703000312 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hoà cấp ngày 12/11/2007 với số vốn điều lệ là: 40.000.000.000 VNĐ. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9 góp 30% vốn điều lệ với giá trị góp vốn là: 12.000.000.000VNĐ.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Sản phẩm chính của Công ty

Sản phẩm xây lắp điện

Sản phẩm xây lắp điện là sản phẩm truyền thống của công ty. Các sản phẩm xây lắp chủ yếu của Công ty bao gồm:

- ◆ Xây dựng và lắp đặt hoàn chỉnh các công trình đường dây truyền tải điện có cấp điện áp từ 0,4kV đến 500kV gồm các hạng mục chính như sau:
 - ✓ Đào đúc móng và tiếp địa;
 - ✓ Dựng cột bê tông li tâm và cột thép (các loại).
 - ✓ Rãi kéo căng dây dẫn và dây cáp quang (các loại).
 - ✓ Phát quang hành lang tuyến, thí nghiệm hiệu chỉnh và đóng điện bàn giao công trình;
 - ✓ Các công trình này do các công ty tư vấn thiết kế xây dựng điện trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam thiết kế và thẩm định.

- ◆ Xây dựng và lắp đặt các trạm biến áp điện có cấp điện áp đến 500kV. Gồm các hạng mục như sau:
 - ✓ San đắp nền trạm;
 - ✓ Đào đúc móng đỡ thiết bị;
 - ✓ Xây dựng nhà điều khiển, nhà nghỉ ca, nhà bảo vệ;
 - ✓ Xây dựng hệ thống đường trong và ngoài trạm;
 - ✓ Lắp đặt thiết bị;
 - ✓ Lắp đặt hệ thống điều khiển, bảo vệ và đo lường;
 - ✓ Lắp đặt hệ thống thông tin liên lạc;
 - ✓ Xây dựng và lắp đặt Hệ thống PCCC và xử lý sự cố;
 - ✓ Thí nghiệm hiệu chỉnh, lập phương thức đóng điện;
 - ✓ Đóng điện bàn giao công trình;
 - ✓ Các công trình này do các Công ty tư vấn thiết kế xây dựng điện trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam thiết kế và thẩm định.
- ◆ Xây dựng các nhà máy nhiệt điện qui mô nhỏ: Đã xây dựng hoàn thành bàn giao cho Ban quản lý dự án lưới điện Công ty Điện Lực 2 (Điện lực Kiên Giang vận hành), nhà máy Nhiệt điện Diesel Phú Quốc.
- ◆ Làm đường nhựa thâm nhập, đường bê tông.
- ◆ Xây dựng nhà ở dân dụng có kết cấu bê tông công trình từ cấp 1,2,3,4.
- ◆ Xây dựng và lắp đặt nhà công nghiệp có khung sườn kết cấu thép .
- ◆ Đắp đường, đắp đập thủy lợi, thủy điện, đắp san nền trạm và các khu công nghiệp.

Sản phẩm dịch vụ du lịch

- ◆ Dịch vụ nhà nghỉ: Công ty đang sở hữu và khai thác Khách sạn Xanh Nha Trang đạt tiêu chuẩn 3 sao, tại 06 Hùng Vương – thành phố Nha Trang, với 66 phòng và hiệu suất khai thác phòng 6 tháng đầu năm 2007 là 86%.
- ◆ Dịch vụ ăn uống;
- ◆ Phục vụ hội nghị, liên hoan;
- ◆ Phục vụ hướng dẫn du lịch.

6.2 Sản lượng sản phẩm, dịch vụ qua các năm

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm (2005 - 2006 và 9 tháng 2007)

Đơn vị: triệu đồng

TT	TÊN SẢN PHẨM	2005		2006		9 tháng/2007	
		GT	Tỷ trọng	GT	Tỷ trọng	GT	Tỷ trọng
1	Xây lắp điện	33.190	84,81%	37.442	81,28%	27.952	76,66%
2	Dịch vụ khách sạn và du lịch	6.792	15,19%	8.626	18,72	8.509	23,34%
	Tổng	39.982	100%	46.068	100%	36.461	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9

Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty qua các năm (2005 - 2006 và 9 tháng 2007)

Đơn vị: triệu đồng

TT	TÊN SẢN PHẨM	2005		2006		9 tháng 2007	
		GT	Tỷ trọng	GT	Tỷ trọng	GT	Tỷ trọng
1	Xây lắp điện	3.305	62,01%	8.183	81,96%	7.391	65,87%
2	Dịch vụ khách sạn và du lịch	2.024	37,99%	1.801	18,04%	3.829	34,13%
	Tổng	5.329	100%	9.984	100%	11.220	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9

Trong thời kỳ 2005-2006 và 9 tháng đầu năm 2007, sản phẩm xây lắp điện đóng góp một phần quan trọng, chiếm trung bình 80,4% doanh thu thuần của công ty. Mặc dù vậy, lợi nhuận gộp từ xây lắp lại chỉ đóng góp trung bình 69,95% tổng lợi nhuận gộp. Nguyên nhân vì chi phí giá vốn hàng bán của xây lắp điện lớn hơn chi phí giá vốn hàng bán của dịch vụ khách sạn và du lịch.

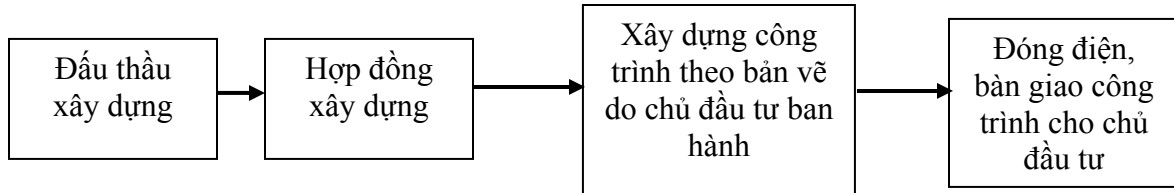
Doanh thu từ dịch vụ khách sạn và du lịch tăng khoảng 30%/năm. Nhưng lợi nhuận gộp lại giảm nhẹ năm 2006 (giảm 11%). Nguyên nhân là do năm 2005, khách sạn mới đi vào hoạt động Công ty chưa trích khấu hao, từ quý IV năm 2005 Công ty bắt đầu tính khấu hao đối với khách sạn.

Trong thời gian 2005-9 tháng 2007, Công ty định hướng phát triển mảng dịch vụ khách sạn và du lịch thể hiện qua tỷ trọng doanh thu dịch vụ khách sạn và du lịch trên tổng doanh thu có xu hướng tăng lên.

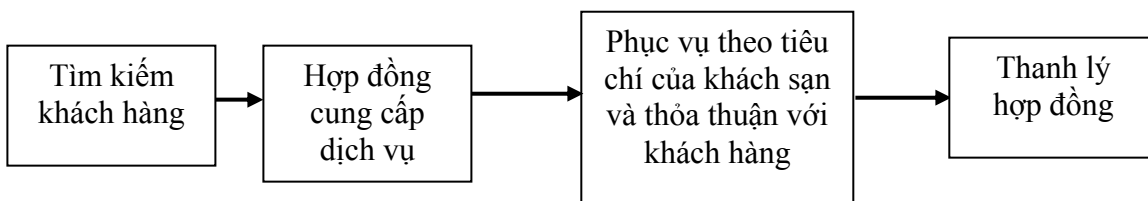
6.3 Quy trình sản xuất các sản phẩm

Quy trình sản xuất các sản phẩm công nghiệp của công ty như sau:

Quy trình sản xuất sản phẩm xây dựng điện



Quy trình sản xuất sản phẩm đối với sản phẩm dịch vụ khách sạn, du lịch



6.4 Nguyên vật liệu

Gồm nguyên vật liệu chính và nguyên vật liệu phụ.

a. Nguyên vật liệu chính dùng cho sản phẩm xây lắp điện

Nguyên liệu chính dùng cho sản phẩm xây lắp điện bao gồm:

- ◆ Thép tròn dùng trong bê tông;
- ◆ Cấu kiện thép mạ kẽm;
- ◆ Xi măng, cát đá dăm các loại;
- ◆ Dây dẫn điện, thiết bị điện chiếu sáng và sinh hoạt.

Bảng 7: Một số nhà cung cấp nguyên liệu chính cho sản phẩm xây lắp điện của Công ty

STT	NHÀ CUNG CẤP	NƯỚC
1	Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh thép Nhân Luật	Việt Nam
2	Công ty CP Cơ Điện Hoàng Hưng - cung cấp cấu kiện thép mạ kẽm	Việt Nam
3	Doanh nghiệp Tư nhân Vân Tú - cung cấp thép tròn	Việt Nam
4	Doanh nghiệp tư nhân Sản xuất và Thương mại	Việt Nam

STT	NHÀ CUNG CẤP	NUỚC
	Liên Đạt-cung cấp dây và cáp điện	
5	Công ty TNHH Nhật Linh (LiOA)- cung cấp dây và cáp điện	Việt Nam
6	Công ty CP dây và cáp điện Việt Nam (CADIVI) - cung cấp dây và cáp điện	Việt Nam
7	Công ty liên doanh dây và cáp điện LS-VINA - cung cấp dây và cáp điện	Việt Nam
8	Công ty CP Bê tông ly tâm Thủ Đức- cung cấp cấu kiện Bê tông ly tâm	Việt Nam
9	Công ty Cp Xây dựng điện VNECO 10 – cung cấp cấu kiện thép mạ kẽm	Việt Nam

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9

Đối với xi măng, Công ty mua hàng từ các đại lý của các nhà máy Xi măng Holcim, Hà Tiên tại địa phương cung cấp. Cát, đá dăm các loại được khai thác tại địa phương nơi Công ty thực hiện công trình.

Bảng 8: Đơn giá vật liệu chính trong thời kỳ 2005 đến Quý 2 năm 2007 như sau:

Đơn vị tính: đồng/tấn

STT	Loại nguyên vật liệu	Đơn giá bình quân		
		2005	2006	Quý II/2007
1	Xi măng PCB 40	825.641	877.496	986.520
2	Thép tròn xây dựng	7.685.250	8.105.420	9.185.560
3	Thép hình mạ kẽm	15.025.400	16.423.150	17.860.050

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9

b. Nguyên vật liệu cho các sản phẩm dịch vụ khách sạn, du lịch

Nguyên liệu cho các sản phẩm dịch vụ khách sạn, du lịch có giá trị nhỏ nhưng số lượng lớn rất khó quản lý như: các sản phẩm đồ uống, lương thực thực phẩm, giặt là, giấy vệ sinh, xà phòng, tạp hóa... các nguyên vật liệu này được cung cấp bởi các nhà cung cấp ở Thành phố Hồ Chí Minh và tại thành phố Nha Trang.

- Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:

Giá nguyên vật liệu là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty do chi phí nguyên vật liệu chiếm từ 35% đến 45% tổng chi phí đối với các sản phẩm xây lắp điện của doanh nghiệp.

- Để hạn chế sự biến động của giá nguyên vật liệu đến chi phí sản xuất, Công ty áp dụng các biện pháp sau:
 - ✓ Đối với các công trình xây dựng điện, sau một năm mà chủ đầu tư chưa bàn giao mặt bằng thì Công ty sẽ xem xét lại hợp đồng, nếu có biến động lớn về giá thì Công ty làm việc với chủ đầu tư để điều chỉnh giá. Trong trường hợp không được chấp nhận, Công ty sẽ từ chối thực hiện hợp đồng;
 - ✓ Các hợp đồng xây dựng công trình điện đều thông qua đấu thầu. Tùy theo tính chất từng công trình, Công ty tính bổ sung chi phí dự phòng trượt giá và giá chào thầu. Mặt khác, các công trình xây dựng điện đều được tạm ứng từ 10% đến 20% giá trị hợp đồng, số tiền này Công ty sử dụng để đặt cọc mua một số nguyên vật liệu chính chiếm tỷ trọng lớn trong công trình và các loại nguyên vật liệu có chiều hướng tăng giá nên đã hạn chế được ảnh hưởng của biến động giá nguyên vật liệu tới lợi nhuận.

6.5 Chi phí sản xuất

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí sản xuất của Công ty, chiếm trung bình khoảng 78,07% doanh thu trong thời kỳ 2005-Quý III/2007. Chi phí sản xuất của Công ty ở mức khoảng 84,08% doanh thu trong thời kỳ 2005-Quý III/2007. Trong giai đoạn 2005 đến Quý III/2007, chi phí giá vốn hàng bán trên tổng doanh thu của Công ty có xu hướng giảm từ 86,66% năm 2005 xuống 69,22% trong quý III/2007 do Công ty tăng cường khoán khối lượng cho các đơn vị nhận thầu vì vậy giảm được chi phí nhân công, giảm bớt chi phí giá vốn hàng bán. Ngoài ra, Công ty cũng xây dựng định mức tiêu hao nguyên vật liệu phù hợp với cơ cấu các bộ phận sản xuất kinh doanh.

Tuy nhiên, do Công ty đang trong giai đoạn mở rộng sản xuất kinh doanh nên chi phí bán hàng và chi phí quản lý có xu hướng tăng cả về giá trị tuyệt đối và số tương đối, cụ thể chi phí quản lý tăng từ 3,5% năm 2005 đến 8,05% trong quý III/2007. Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh giai đoạn từ năm 2005 đến quý III/2007 của VNECO 9 được thể hiện chi tiết trong bảng dưới đây:

Bảng 9: Cơ cấu chi phí của Công ty trong 2 năm gần nhất và 9 tháng 2007

Đơn vị: triệu đồng

CHI PHÍ	2005		2006		9 tháng 2007	
	GT	%/Doanh thu	GT	%/Doanh thu	GT	%/Doanh thu
Giá vốn hàng bán	34.653	86,66	36.083	78,33	25.241	69,22
Chi phí bán hàng	41	0,1	63	0,14	164	0,45
Chi phí quản lý	1.400	3,5	2.670	5,8	2.936	8,05
Tổng cộng	36.094	90,27	38.816	84,26	28.341	77,72%

(*Nguồn: Báo cáo Tài chính có Kiểm toán của 2005-2006 và báo cáo 9 tháng 2007 do Công ty tự lập*)

6.6 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền

Mẫu Logo của Công ty như sau:



Công ty cũng đã tiến hành thiết kế, xây dựng website thông tin về công ty và đăng ký tên miền trên mạng Internet như sau: <http://www.VNECO9.com>

6.7 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

Trong năm 2006, Công ty đã ký kết các hợp đồng kinh tế với tổng giá trị 76.330 triệu đồng, trong đó giá trị xây lắp là 67.705 triệu đồng, giá trị cung cấp dịch vụ khách sạn, du lịch là 8.625 triệu đồng. Hợp đồng còn lại chuyển tiếp sang năm 2007 thực hiện là 46,7 tỷ đồng. Hợp đồng mới ký kết năm 2007 về xây lắp là 87,8 tỷ đồng, các hợp đồng dịch vụ khách sạn riêng bán phòng, trong năm 2007 đã ký cho năm 2008 chiếm 35% công suất phòng.

Bảng 10: Một số hợp đồng xây lắp đã ký kết

STT	SỐ HỢP ĐỒNG	ĐỐI TÁC	CÔNG TRÌNH	THỜI HẠN	GIÁ TRỊ (Đ)
1	00698/2006/HĐXL-VNECO-KTKH	Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam (VNECO)-Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	Đường dây 220kV Tuy Hoà – Nha Trang	Hoàn thành vào Quý IV/2007	10.836.000.000
2	01038/PCC3-PCJSC3.9	Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam (VNECO)-Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Nam	Đường dây 500kV cai Lậy-Ô Môn	Hoàn thành vào năm 2006	11.200.000.000
3	01394/PCC3-PCJSC3.9	Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam (VNECO)-Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Nam	Đường dây 220kV 04 Mạch Cà Mau-Ô Môn	Hoàn thành tháng 06/2005	13.125.000.000
4	00988/HĐKT/XLĐ3-KTKH	Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam (VNECO)-Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Nam	Đường dây 220kV Thốt Nốt-Châu Đốc-Tịnh Biên	Hoàn thành năm 2005	12.880.000.000
5	51/ĐL2/BQL DALĐ.2HĐ	Ban quản lý dự án Điện lực Miền Nam – Công ty điện lực 2	Đường dây 110kV An Long-Hồng Ngự	Hoàn thành năm 2005	5.203.408.000
6	00149/PCC3/KTKH	Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam (VNECO)-Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Nam Miền Trung	Trạm 220/110/22kV, 125WVA Nha Trang	Hoàn thành năm 1999	12.185.000.000
7	57/ĐL2/BQL DALĐ.2HĐ	Ban quản lý dự án Điện lực Miền Nam – Công ty điện lực 2	Trạm Biến áp 110/35/22kV An Biên, tỉnh Kiên Giang	Hoàn thành năm 2005	7.667.754.000
8	53/HĐ-A110-KH	Ban quản lý dự án Điện lực Miền Nam – Công ty điện lực 2	Nhà máy điện diezen Phú Quốc (Giai đoạn 2)	Hoàn thành năm 2006	23.409.561.000
9	01236/2006/HĐXL/VNECO-KTKH	Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam (VNECO)-Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Nam	Xây lắp trạm biến áp 500 KV Ô Môn	Dự kiến Hoàn thành vào Quý I/2008	18.000.000.000
10	02353/2006/HĐXL-VNECO-KTKH	Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam (VNECO)-Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Nam	Xây lắp trạm biến áp 220 KV Phan Thiết	Dự kiến Hoàn thành vào Quý IV/2007	17.984.549.000
11	04/HĐKT-ĐL2-A110.2	Ban quản lý dự án Điện lực Miền Nam – Công ty điện lực 2	Đường dây 110 KV Đà Lạt 1- Đà Lạt 2 - Suối Vàng	Dự kiến hoàn thành vào Quý II/2008	10.037.650.000

STT	SỐ HỢP ĐỒNG	ĐỐI TÁC	CÔNG TRÌNH	THỜI HẠN	GIÁ TRỊ (Đ)
12	01/HĐXL/SP PMB- VNECO9/200 7	Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Nam	Đường dây 220 KV Hàm Thuận – Phan Thiết	Dự kiến hoàn thành vào Quý I/2008	20.268.496.000
13	31/HĐKT-A ĐLMN.2	Ban quản lý dự án Điện lực Miền Nam – Công ty Điện lực 2	Đường dây 110 KV Thủ Đức – Sóng Thần	Dự kiến hoàn thành vào Quý II/2008	11.694.168.098
14	02/HĐXL- SPPMB- VNECO9	Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Nam	Đường dây 220 KV Bà Rịa - Vũng Tàu	Dự kiến hoàn thành vào Quý IV/2008	15.283.073.191
15	50/HĐXD/A ĐLMN.2	Ban quản lý dự án Điện lực Miền Nam – Công ty Điện lực 2	Trạm biến áp 110 KV Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Dự kiến hoàn thành vào Quý II/2008	7.034.954.676
16	49/HĐXD/Đ LMN.2	Ban quản lý dự án Điện lực Miền Nam – Công ty Điện lực 2	Trạm biến áp 110 KV Đà Lạt 2, tỉnh Lâm Đồng	Dự kiến hoàn thành vào Quý II/2008	6.594.110.423
					193.366.074.388

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9

Đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ: Công ty đã ký kết hợp đồng phục vụ khách du lịch từ năm 2005 đến năm 2008 với hơn 500 công ty du lịch lữ hành trong nước và quốc tế.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất của Công ty

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất

Bảng 11: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2005-2006 và 9 tháng 2007

(Đơn vị: triệu đồng)

CHỈ TIÊU	Năm 2005		Năm 2006		9 tháng 2007	
	GT (Triệu đồng)	%tăng/ giảm	GT (Triệu đồng)	%tăng/ giảm	GT (Triệu đồng)	%tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	62.755	63,88	67.064	6,87	69.981	-
Doanh thu thuần	39.982	56,84	46.068	15,22	36.461	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.082	703,04	2.743	-10,97	4.582	-
Lợi nhuận khác	32	-81,38	1.587	4.881,77	18	-
Lợi nhuận trước thuế	3.113	461,22	4.330	39,08	4.600	-
Lợi nhuận sau thuế	2.242	461,22	3.133	39,74	4.182	-
Tỷ lệ cổ tức	16%	-	17%	-	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	53,26%	-	72,52%	-	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9 thời kỳ 2005-2006, báo cáo quyết toán 9 tháng năm 2007 do Công ty tự lập

(*) Công ty được ưu đãi về thuế theo Nghị định 64/2002/NĐ/CP của Chính phủ ngày 19/06/2002: Công ty được miễn giảm thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo. Như vậy, Công ty được miễn thuế trong 2 năm: 2005, 2006 và được giảm 50 % số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo: 2007, 2008, 2009. Số thuế được miễn giảm Công ty bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển theo quy định tại công văn số 499/TCDN ngày 16/01/2002 của Bộ Tài chính về việc quản lý hạch toán khoản thuế TNDN được miễn giảm tại các DNNN thực hiện chuyển đổi sở hữu.

Doanh thu thuần năm 2006 tăng so với năm 2005 nhưng lợi nhuận thuần năm 2006 giảm so với năm 2005 do Công ty thực hiện việc tính khấu hao khối tài sản Khách sạn Xanh Nha Trang bắt đầu từ quý 4 năm 2005.

Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế năm 2006 vẫn tăng 39,74% so với 2005 do lợi nhuận khác năm 2006 là 1.587 triệu đồng tăng 4.981,77 % so với năm 2005 là 32 triệu đồng. Khoản lợi nhuận khác bao gồm thanh lý tài sản (280 triệu đồng), hoàn nhập dự phòng các khoản chi phí về bảo hành công trình đã trích lập các năm trước (420 triệu đồng), bán phế liệu 51 triệu đồng, cho thuê dịch vụ massage 193 triệu đồng, xử lý vật tư thừa khi kiểm kê 643 triệu đồng.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

a. Nhân tố thuận lợi

Lượng khách du lịch tăng cao

Trong hai năm 2005 – 2006 và 9 tháng năm 2007, do lượng khách du lịch đến Nha Trang tăng cao nên tỷ lệ khai thác phòng của khách sạn luôn đạt tỷ lệ cao.

Nhu cầu điện năng phục vụ cho nền kinh tế tăng cao, rất cần phát triển nhiều công trình nguồn và lưới truyền tải điện. Các công trình xây dựng điện triển khai nhiều do nhu cầu phụ tải ngày càng lớn, doanh thu của Công ty có xu hướng tăng.

Áp dụng các biện pháp nhằm hạn chế sự biến động của giá nguyên vật liệu

Công ty đã áp dụng các biện pháp để hạn chế sự biến động của giá nguyên vật liệu, ổn định doanh thu và lợi nhuận như: tính chi phí dự phòng trượt giá và giá chào thầu khi tham gia đấu thầu, sử dụng tiền được tạm ứng khi thi công công trình để đặt cọc mua nguyên vật liệu có chiều hướng tăng giá.

Áp dụng quy trình quản lý chất lượng

Công ty đã áp dụng qui trình quản lý chất lượng ISO 9001:2000 từ tháng 12/2006 trong hoạt động sản xuất và quản lý nên tiết kiệm được chi phí quản lý.

Tăng cường đầu tư máy móc thiết bị

Công ty chú trọng đầu tư các công cụ, dụng cụ và thiết bị thi công tiên tiến nhằm gia tăng năng lực sản xuất và đáp ứng tốt định mức chi phí tiêu hao nguyên vật liệu.

Nhân tố khó khăn

Giá cả nguyên vật liệu tăng

Trong giai đoạn từ 2005 đến quý III năm 2007, giá nguyên vật liệu tăng trung bình từ 5-9% nên có ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, chi phí nguyên vật liệu trong giá vốn của ngành dịch vụ khách sạn du lịch không lớn nên sự tác động này không lớn. Trong lĩnh vực xây lắp điện, tuy Công ty đã có các biện pháp hạn chế nhưng vẫn có ảnh hưởng nhất định, thể hiện ở việc chi phí nguyên vật liệu trong giá vốn hàng bán của xây lắp điện năm 2006 là 14.248 triệu đồng/37.442 triệu đồng doanh thu xây lắp chiếm 38,53%, năm 2005 là 11.698 triệu đồng/33.190 triệu đồng doanh thu xây lắp chiếm 35,24%.

Chi phí hoạt động tài chính tăng cao

Hoạt động chính của Công ty hoạt động xây lắp nên doanh thu từ hoạt động này một phần bị giữ lại (5%) phí bảo hành công trình, các công trình xây lắp thường có thời gian thi công kéo dài, chủ đầu tư thường chỉ quyết toán công trình khi hoàn thiện hoặc quyết toán khối lượng, giá trị xây lắp vào thời điểm cuối năm, căn cứ vào giá trị quyết toán chủ đầu tư mới thanh toán hoặc ứng trước cho đơn vị thi công. Trong khi, đó để đảm bảo tiến độ công trình như trong hợp đồng, đơn vị thường phải bỏ vốn để mua sắm nguyên vật liệu phục vụ thi công, làm cho nhu cầu vốn lưu động của Công ty cao dẫn đến chi phí hoạt động tài chính tăng cao. Chi phí tài chính năm 2005 là 831 triệu, năm 2006 là 4.583 triệu tăng 5,51 lần. Chi phí 9 tháng đầu năm 2007 là: 3.624 triệu đồng.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của công ty trong ngành xây lắp điện và dịch vụ khách sạn, du lịch

Công ty đã từng bước xây dựng được thương hiệu mạnh. Các công trình do đơn vị thi công đều đảm bảo chất lượng theo đúng yêu cầu thiết kế, công trình vận hành an toàn, chưa có công trình nào xây ra sự cố. Công ty đã tạo được niềm tin của khách hàng và chính quyền địa phương, nhiều công trình do Công ty thi công đã được chủ đầu tư và chính quyền tặng bằng khen, giấy khen về thành tích thi công. Đến nay, Công ty đã có đủ năng lực để tham gia dự thầu và thi công các công trình điện cấp điện áp đến 500 KV và các nhà máy điện. Các đối thủ cạnh tranh khác trong lĩnh vực xây lắp điện bao gồm: Công ty TNHH một thành viên Xây lắp Điện 2, Công ty TNHH một thành viên Xây lắp Điện 4, Công ty CP xây lắp điện 1, Công ty CP Sông Đà 11, Công ty CP Năng Lượng. Trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch, Công ty đã được khách hàng trong và ngoài nước đánh giá cao. Khách sạn Xanh Nha Trang của Công ty đã được Sở Du lịch Khánh Hòa đánh giá là khách sạn 3 sao tốt của tỉnh. Các đối thủ cạnh tranh trong lĩnh vực dịch vụ khách sạn là những khách sạn đồng hạng trên địa bàn Tp Nha Trang bao gồm: Khách sạn Quê Hương, Khách sạn Viễn Đông, Khách sạn Hải Yến.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Hoạt động xây lắp điện

Hoạt động xây lắp của Công ty tập trung vào các dự án của các doanh nghiệp trong ngành điện. Nhìn chung thị trường xây lắp trong ngành điện đang phát triển nhanh do Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các đơn vị thành viên đang thực hiện nhiều dự án lắp đặt các công trình điện trên cả nước. Theo Phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực Việt Nam giai đoạn 2001 – 2010 có xét triển vọng đến 2020 (gọi tắt Quy hoạch điện V) của Thủ tướng Chính phủ số 95/2001/QĐ-TTG ngày 22/06/2001 theo các nội dung chính sau:

Về nhu cầu phụ tải

Phát triển ổn định, nâng cao chất lượng, đáp ứng đầy đủ nhu cầu phụ tải cho sinh hoạt của nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đến hết năm 2005, các Nhà máy điện trong cả nước sản xuất đạt sản lượng từ 45 đến 50 tỷ kWh, dự báo năm 2010 đạt sản lượng từ 70 đến 80 tỷ kWh và năm 2020 đạt sản lượng từ 160 – 200 tỷ kWh.

Về phát triển nguồn điện

Phát triển nguồn điện phải đáp ứng nhu cầu phụ tải nói trên, đảm bảo cung cấp điện an toàn, chất lượng, ổn định, hiệu quả, hợp lý để phát triển kinh tế - xã hội. Khai thác tối đa các nguồn năng lượng có hiệu quả kinh tế như: thủy điện, nhiệt điện khí, nhiệt điện than, nhiệt điện dầu, các dạng năng lượng mới... kết hợp với từng bước trao đổi điện hợp lý với các nước trong khu vực. Ưu tiên xây dựng các Nhà máy thủy điện có các lợi ích tổng hợp như: chống lũ, cấp nước, sản xuất điện. Phát triển thủy điện nhỏ, điện gió, điện mặt trời... cho các khu vực xa lưới điện, miền núi, biên giới, hải đảo.

Trong đó giai đoạn 2006 – 2010: xây dựng 21 Trạm biến áp (TBA) 500 kV, 26 TBA 220 kV, 945 km đường dây 500 kV, 1.590 km đường dây 220 kV và hàng nghìn km đường dây 110 kV.

Như vậy, mức tăng trưởng lớn và ngành điện đòi hỏi phải có nguồn vốn mới đáp ứng được trong cơ chế các đơn vị đầu tư xây dựng các nhà máy điện độc lập (IPP) theo các hình thức BOO, do vậy Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) đã có quyết định số 30/BCN ngày 31/08/2006 cho các nhà đầu tư xây dựng Dự án điện độc lập (IPP) là dự án đầu tư xây dựng nguồn điện không sử dụng vốn Ngân sách Nhà nước để đầu tư, khai thác và bán điện theo quy định của pháp luật về điện lực và thông qua các hình thức Xây dựng - Kinh doanh (vận hành) - Chuyển giao (BOT), Xây dựng - Sở hữu - Kinh doanh (vận hành) (BOO) hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật. Tuy vậy, do các

công trình nguồn đòi hỏi vốn lớn trong khi cơ chế cho vay hiện nay làm các nhà đầu tư cũng gặp khó khăn khi quyết định đầu tư dự án nguồn.

Hoạt động dịch vụ khách sạn và du lịch

Vị trí khách sạn của Công ty ở trung tâm thành phố Nha Trang, nơi có bờ biển đẹp và thơ mộng, có nhiều hòn đảo tự nhiên; và là địa danh du lịch nổi tiếng trong nước và quốc tế. Sau khi Việt Nam gia nhập WTO lượng khách nước ngoài, nhất là các Việt kiều về Việt Nam tăng nhanh. Trong những năm gần đây do điều kiện kinh tế phát triển nên lượng khách nội địa cũng tăng đáng kể. Là điều kiện thuận lợi để Công ty phát triển ngành hoạt động kinh doanh dịch vụ khách sạn và du lịch.

Đối với ngành nghề kinh doanh hiện nay của Công ty bao gồm một số lĩnh vực chính như: xây lắp điện, kinh doanh dịch vụ khách sạn và du lịch, đây là những lĩnh vực chính được khuyến khích đầu tư. Do vậy, trong tương lai Chính phủ vẫn duy trì khuyến khích đầu tư phát triển các lĩnh vực này.

8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Căn cứ vào dự báo tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, chiến lược phát triển của Công ty và kế hoạch đầu tư dự án, VNECO 9 đặt ra mục tiêu đưa Công ty trở thành một tổ chức sản xuất kinh doanh đa ngành, với các lĩnh vực chủ yếu: Xây dựng điện và kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch, đầu tư kinh doanh nhà máy thủy điện độc lập.

Với tốc độ phát triển kinh tế của Việt Nam trong những năm gần đây, đời sống của người dân được nâng cao nhiều, do đó nhu cầu sử dụng các dịch vụ cũng tăng. Thêm vào đó Việt Nam hiện đang là một trong những điểm đến hấp dẫn đối với nhiều du khách nước ngoài. Do vậy, Công ty đặc biệt chú trọng đẩy mạnh đầu tư mảng dịch vụ - du lịch. Điều này phù hợp với chính sách chung của Nhà nước.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Cơ cấu lao động trong Công ty

Tại thời điểm 31/12/2006, tổng số lao động trong Công ty là 286 người, trong đó:

Phân theo trình độ học vấn:

- Lao động có trình độ trên đại học:	0 người
- Lao động có trình độ đại học:	35 người
- Lao động có trình độ cao đẳng:	06 người

- Lao động có trình độ trung cấp:	44 người
- Lao động công nhân kỹ thuật:	163 người
- Lao động phổ thông:	20 người

9.2 Chính sách đối với người lao động:

Chế độ làm việc

Người lao động trong Công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động, trừ một số lao động phổ thông ở các tỉnh thuê theo yêu cầu của từng công trường. Người lao động được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo đúng quy định.

Công ty thực hiện chế độ làm việc 5,5 ngày làm việc/tuần và 8 giờ/ngày. Lao động trực tiếp trong lĩnh vực xây dựng điện, kinh doanh khách sạn làm việc 6 ngày/tuần và 8 giờ/ngày.

Công ty thực hiện chế độ làm thêm giờ theo đúng Luật lao động, làm thêm không quá 200 giờ trong 1 năm, lương ngoài giờ được trả từ 150% đến 200% mức lương làm việc thông thường.

Công ty thực hiện đúng chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ theo quy định. Bên cạnh đó, Công ty còn tạo điều kiện cho nhân viên nghỉ dài hơn nếu có nhu cầu.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Các Phòng, xí nghiệp trong Công ty căn cứ vào nhu cầu tuyển dụng, đề xuất lên Phòng Tổng hợp. Phòng Tổng hợp tập hợp nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị và trình lên Ban Giám đốc phê duyệt. Sau khi nhận được sự chấp thuận của Ban Giám đốc, Phòng Tổng hợp có trách nhiệm thông báo công khai các chỉ tiêu, tiêu chuẩn và có chế độ ưu tiên tuyển dụng con em cán bộ công nhân viên đã và đang làm việc tại Công ty (nếu đủ tiêu chuẩn), tiến hành thu thập hồ sơ xin việc, xem xét hồ sơ và tiến hành phỏng vấn, thi viết và lựa chọn.

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển của Công ty, đặc biệt chú trọng tới việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo, cử người lao động đi đào tạo tại các Trung tâm, Trường chuyên nghiệp, khuyến khích nhân viên các phòng ban tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn để nâng cao nghiệp vụ trực tiếp của lao động.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Các đơn vị sản xuất của Công ty hưởng lương theo quy chế khoán theo sản phẩm, doanh thu áp dụng đối với công nhân xây dựng điện và nhân viên trực tiếp khách sạn căn cứ vào mức độ hoàn thành khối lượng, doanh thu, chất lượng công việc và tiết kiệm chi phí.

Đối với lao động thuê ngoài căn cứ vào khối lượng, chất lượng và thời gian hoàn thành công việc. Đối với cán bộ quản lý, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ lương được trả theo thời gian lao động, hệ số. Lương được trả hàng tháng cho người lao động.

Ngoài tiền lương hàng tháng người lao động còn được Công ty thưởng thêm cho các cá nhân, tập thể có nhiều thành tích đóng góp trong việc thực hiện các mục tiêu của Công ty như: có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, sáng kiến tiết kiệm chi phí, tăng doanh thu. Quỹ khen thưởng phúc lợi được lãnh đạo Công ty và Công đoàn tham gia quản lý.

Mức lương trung bình của Công ty trong năm 2004 đạt 1.730.000 đồng, và năm 2005 đạt 1.816.000 đồng. Năm 2006, thu nhập bình quân người lao động đạt 2.175.000 đồng/người/tháng.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Công ty phải đảm bảo sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các khoản nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả
- Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch kinh doanh của các năm tới.

Chính sách cổ tức của Công ty đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và khả năng mở rộng sản xuất và tăng trưởng trong tương lai. Tỷ lệ cổ tức trên mệnh giá cổ phiếu trong năm 2005, 2006 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2006, 2007 nhất trí thông qua như sau:

Bảng 12: Tỷ lệ chia cổ tức của Công ty 2005-2006

STT	NĂM	TỶ LỆ CỔ TỨC	GIÁ TRỊ (ĐỒNG)
1	2005	16%	1.193.962.866
2	2006	17%	2.271.819.592

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9

11. Tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán của Việt Nam.

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

a. Trích khấu hao TSCĐ:

Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định của Công ty hiện đang áp dụng theo phương pháp đường thẳng được quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Phương tiện vận tải	01 - 06 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
Máy móc thiết bị	01 - 06 năm

b. Mức lương bình quân:

Năm 2006, Công ty duy trì mức thu nhập bình quân của người lao động là 2.175.000 đồng/tháng. Dự kiến 2007, mức thu nhập bình quân đạt 2.500.000 đồng/tháng.

c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay đến hạn.

d. Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty luôn luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế theo luật thuế quy định và cũng được các cục thuế địa phương hoàn thuế kịp thời.

e. Trích lập các quỹ theo luật định:

Theo Điều lệ của Công ty, hàng năm, lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập các quỹ và chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông. Mức trích lập các quỹ và mức chi trả cổ tức do HĐQT đề xuất và phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Bảng 13: *Tình hình trích lập các Quỹ của Công ty 2005-2006*

S T T	NỘI DUNG	Năm 2005			Năm 2006		
		GIÁ TRỊ (TRIỆU ĐỒNG)	TỶ LỆ TRÊN LỢI NHUẬN SAU THUẾ (%)	CĂN CỨ	GIÁ TRỊ (TRIỆU ĐỒNG)	TỶ LỆ TRÊN LỢI NHUẬN SAU THUẾ (%)	CĂN CỨ
1	Quỹ đầu tư phát triển	654	29%	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2006 ngày 20/1/2006	250	8%	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2007 ngày 24/01/2007
2	Quỹ dự phòng tài chính	111	5%		156	5%	
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	211	9%		312	10%	

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9

Đối với Báo cáo Tài chính năm 2005, Công ty căn cứ vào lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2005, HĐQT Công ty đã quyết định tạm phân phối và trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế vào Báo cáo tài chính năm 2005 chưa được kiểm toán và tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2006, tổ chức tại ngày 20/01/2006, HĐQT đã trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2005 đúng bằng số HĐQT tạm phân phối và trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2005 và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Khi đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2005, kiểm toán viên không có điều chỉnh nào liên quan đến việc phân phối, trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2005, nên số phân phối, trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2005 giữa Báo cáo tài chính năm 2005 đã được kiểm toán và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông là như nhau.

Đối với Báo cáo Tài chính năm 2006, HĐQT xác định phương hướng hoạt động của Công ty theo hướng tham gia vào thị trường chứng khoán, để đảm bảo Báo cáo Tài chính được công khai minh bạch, phù hợp với quy định hiện hành, nên HĐQT quyết định không tạm phân phối và trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2006 mà đợi sau khi có Báo cáo kiểm toán và được Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối, trích lập lợi nhuận sau thuế mới thực hiện phân phối, trích lập. Ngày 18 tháng 01 năm 2007, Công ty Cổ phần Kiểm toán Miền Trung (địa chỉ: 128A Lý Tự Trọng – thành phố Đà Nẵng), đã phát hành Báo cáo kiểm toán số 0207A/CENACO, và Đại hội cổ đông thường niên năm 2007 của Công ty được tổ chức tại ngày 24 tháng 01 năm 2007 đã thông qua phương án phân phối, trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2006. Do yêu cầu về đơn vị kiểm toán

được chấp thuận khi làm Hồ sơ phát hành cổ phiếu ra công chúng và hồ sơ niêm yết cổ phiếu của Công ty, Công ty đã thuê Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (AASC) kiểm toán lại Báo cáo tài chính năm 2005, 2006 và Công ty AASC không có điều chỉnh nào liên quan đến Báo cáo tài chính năm 2005 và 2006.

Công ty thực hiện phân phối, trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2006 vào Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2007.

f. Tổng dư nợ vay:

Bảng 14: Dư nợ vay ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2006

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Ngân hàng	Mục đích vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Phương thức trả nợ	31/12/2006
1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Khánh Hòa	Bổ sung vốn lưu động	0,95%/tháng	04/02/2007 đến 04/01/2008	Gốc trả khi đến hạn thanh toán, lãi trả theo định kỳ hàng tháng.	16.420.472
Tổng cộng						16.420.472

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9

Bảng 15: Dư nợ vay dài hạn tại thời điểm 31/12/2006

DVT: 1.000 đồng

STT	Ngân hàng	Mục đích vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Phương thức trả nợ	31/12/2006
1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Khánh Hòa	Vay đầu tư dự án số 06 Hùng Vương – Nha Trang	1,1%/tháng	04/11/2005 đến 11/10/2014	Gốc và lãi trả theo quý	22.570.397
Tổng cộng						22.570.397

Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9

g. Tình hình công nợ hiện nay:**Bảng 16: Các khoản phải thu**

DVT: 1.000 đồng

Chi tiêu	31/12/2005	31/12/2006
Phải thu từ khách hàng	1.236.222	1.139.765
Trả trước cho người bán	1.739.686	369.217
Phải thu tiến độ hợp đồng xây dựng	9.191.599	5.829.551
Phải thu khác	550.366	215.632
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(100.316)	(175.862)

(Nguồn: Báo cáo tài chính có kiểm toán năm 2005, 2006)

Phải thu từ tiến độ hợp đồng xây dựng tương đối lớn. Đặc thù của ngành xây dựng là khối lượng đồng ý nghiệm thu và thanh toán theo tiến độ của chủ đầu tư phát sinh vào thời điểm cuối kỳ lập báo cáo tài chính, thời điểm thu tiền được thực hiện vào Quý 1 năm sau.

Bảng 17: Các khoản phải trả

DVT: 1.000 đồng

Chi tiêu	31/12/2005	31/12/2006
1. Phải trả người bán	1.963.784	4.257.211
2. Người mua trả tiền trước	4.175.377	909.504
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	1.569.598
4. Phải trả công nhân viên	2.170.695	1.322.956
5. Chi phí phải trả	422.605	-
6. Phải trả nội bộ	9.543.707	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.332.019	893.021
8. Phải trả dài hạn khác	-	218.850
9. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	41.060	90.709

(Nguồn: báo cáo tài chính có kiểm toán năm 2005, 2006)

Khoản phải trả cán bộ công nhân viên năm 2005, 2006 là khoản tiền lương của cán bộ công nhân viên quý IV/2005, quý IV/2006. Các khoản này được hạch toán vào năm 2005, 2006 nhưng thực hiện thanh toán chi trả vào tháng một năm sau. Do việc nghiệm thu thanh toán đối với khối lượng sản phẩm xây lắp có chu kỳ trung bình là 3 tháng nên việc xác định tiền lương phải trả cho người lao động được tính theo quý.

11.2 Giải trình chênh lệch số liệu cuối kỳ bảng cân đối kế toán năm 2005 và số liệu đầu kỳ bảng cân đối kế toán năm 2006

Bảng 18: Giải trình chênh lệch

TÊN KHOẢN MỤC TÀI SẢN	Mã số 2006	SỐ ĐẦU KỲ 2006	Mã số 2005	SỐ CUỐI KỲ 2005	CHÊNH LỆCH 2006-2005	GIẢI TRÌNH
III – Các khoản phải thu	130	12.617.558.444	130	19.565.779.736	-6.948.221.292	Trong năm 2005, Công ty áp dụng theo chuẩn mực số 21 “Trình bày báo cáo tài chính” được ban hành theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 và Thông tư số 23/2005/TT-BTC đối với khoản mục “Các khoản phải thu khác” (Mã số 138) bao gồm: số dư Nợ TK 141 – Tạm ứng, TK 138 – phải thu khác, TK 338 – phải trả khác, TK 144 ký cược, ký quỹ ngắn hạn. Khoản mục “Chi phí phải trả” mã số 316 bao gồm: số dư TK 3351- chi phí phải trả và số dư TK 3352 – Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm. Số dư TK 141 tại ngày 31/12/2005 của Công ty là: 6.948.221.292. Số dư TK 3352 là 41.060.000. Tuy nhiên, theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính. Số dư TK 141 – Tạm ứng lại được trình bày vào khoản mục “Tài sản ngắn hạn khác” (Mã số 158), số dư Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được chuyển sang TK 351 – Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và được trình bày thành mục “Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm” mã số 336 và thuộc phần Nợ dài hạn nên khi lập Báo cáo Tài chính năm 2006, Công ty và kiểm toán phân loại lại số dư TK 141, TK 351 khi trình bày Báo cáo tài chính theo đúng Quyết định 15 nên có sự chênh lệch giữa số liệu cuối kỳ bảng cân đối kế toán 2005 và số liệu đầu kỳ bảng cân đối kế toán 2006.
1. Các khoản phải thu khác	138	550.366.773	138	7.498.588.065	-6.948.221.292	
V - Tài sản ngắn hạn khác	150	7.822.232.482	150	874.011.190	6.948.221.292	
1. Tài sản ngắn hạn khác	158	6.948.221.292	158	0	6.948.221.292	
I – Nợ ngắn hạn	310	27.921.432.194	310	27.962.492.194	-41.060.000	
1. Chi phí phải trả	316	422.605.434	316	463.665.434	-41.060.000	
II – Nợ dài hạn	330	22.719.310.000	330	22.678.250.000	41.060.000	
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	41.060.000	336	0	41.060.000	

11.3 Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính của Công ty trong thời kỳ 2005-2006

CHỈ TIÊU	2005	2006
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn = TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,06 lần	1,25 lần
- Hệ số thanh toán nhanh = (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,78 lần	0,7 lần
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,81 lần	0,72 lần
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	4,24 lần	2,55 lần
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay hàng tồn kho	3,01 lần	3,30 lần
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,64 lần	0,69 lần
Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,60%	6,80%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	18,75%	16,55%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,57%	4,67%
- Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	7,70%	5,96%

(Nguồn: báo cáo tài chính có kiểm toán năm 2005, 2006)

Nhìn chung, các chỉ số tài chính của Công ty ở mức trung bình.

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn cho thấy nợ vay chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng nguồn vốn của Công ty. Tuy nhiên, chỉ tiêu này có sự cải thiện trong năm 2006: hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giảm đáng kể từ năm 2005 4,24 lần xuống còn 2,55 lần năm 2006 do năm 2006 Công ty tăng vốn điều lệ thêm 4.209.600.000 đồng, đồng thời giảm nợ vay ngắn hạn từ 27.921.432.194 đồng xuống còn 25.372.762.985 và tăng khoản nợ dài hạn không đáng kể.

Với hệ số thanh toán ngắn hạn ở mức trung bình khá khoảng 1,19 lần, Công ty không gặp vấn đề gì để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của mình. Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2006 tăng so với năm 2005 do các khoản vay ngắn hạn giảm. Tuy nhiên, hệ số thanh toán nhanh của Công ty ở mức trung bình khá do hàng tồn kho chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản lưu động.

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động ở mức trung bình. Tỷ trọng hàng tồn kho trên tổng tài sản lưu động năm 2005 là: 26,76%, năm 2006 là: 43,88%. Do Công ty là đơn vị xây lắp nên các công trình thường triển khai kéo dài và do khối lượng thi công qua các năm đều tăng dẫn đến chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tăng làm cho khoản mục hàng tồn kho tăng theo. Do đặc thù của ngành xây dựng nên vòng quay hàng tồn kho tương đối thấp. Doanh thu thuần trên tổng tài sản tương đối ổn định trong năm 2005, 2006, đạt mức 0,64-0,69 lần.

Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân năm 2006 giảm so với năm 2005 do lợi nhuận sau thuế Công ty tăng thêm 891 triệu nhưng vốn chủ sở hữu tăng thêm 4.209,6 triệu đồng. Tuy nhiên, hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu trong thời kỳ 2005-2006 vẫn đạt mức khá.

12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1 Thành viên Hội đồng Quản trị

1. Ông Nguyễn Văn Duyệt

- Số CMND : 225088342
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 07/07/1947
- Nơi sinh: Quỳnh Lưu - Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: A15.06 DPN TOWER, 243 Chu Văn An Q. Bình Thạnh TP HCM
- Điện thoại liên lạc: 0913 460 815 - (058) 521 250
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, cao cấp chính trị.

- Quá trình công tác:

Từ 10/1967 ÷ 02/1974	Học tại trường Đại học năng lượng Moskva ,Liên Xô
Từ 06/1974 ÷ 02/1979	Cán bộ phòng Thí nghiệm Trung Tâm Công ty Gang thép Thái Nguyên .
Từ 02/1979 ÷ 8/1988	Chuyên viên khoa giáo, Ban Tuyên giáo Tỉnh Ủy Phú Khánh
Từ 8/1988 ÷ 10/1992	Đội trưởng, Đơn vị trưởng quản lý lao động tại nhà máy Bobruisk, Belorussia.
Từ 10/1992 ÷ 3/1999	Đội trưởng thi công, Xí nghiệp bê tông và xây dựng điện Qui Nhơn thuộc Công ty xây lắp điện 3
Từ 3/1999 ÷ 6/1999	Phó Giám đốc XN Bê Tông Ly Tâm Qui Nhơn
Từ 6/1999 ÷ 5/2003	Giám đốc XN Xây Lắp Điện Nha Trang
Từ 6/2003 ÷ 12/2004	Giám đốc Công ty Xây Lắp Điện 3.9
Từ 1/2005 ÷ 1/2006	Giám đốc Công ty Cổ phần Xây Lắp Điện 3.9
2/2006 ÷ Nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9.

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT - Giám đốc Công ty.

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

- Số cổ phần nắm giữ: 1.262.864. Cổ phần

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 40,74 %

Trong đó:

- ✓ Đại diện pháp nhân cho Tổng Công ty Xây dựng Điện Việt Nam: 756.210 cổ phần, tương đương 24,40 % vốn điều lệ.

- ✓ Cá nhân: 506.654 Cổ phần, tương đương 16,34 % vốn điều lệ.

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không

2. Ông Thái Bá Tuấn

- Số CMND : 241114496
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 02/08/1961
- Nơi sinh: Phường 1, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 06 Hùng Vương, Nha Trang, Khánh Hòa
- Điện thoại liên lạc: 0913 451 148- (058) 525 886
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác

Từ 10/1988 ÷ 03/1993	Đội phó đội xây lắp điện 7
Từ 4/1993 ÷ 11/1995	Cán bộ lao động - Tiền lương Đội 4 Tổng đội xây lắp điện 3
Từ 12/1995 ÷ 9/1999	Cán bộ Dự toán Tổng đội xây lắp điện 3
Từ 10/1999 ÷ 12/2000	Cán bộ Dự toán Xí Nghiệp Xây Lắp Điện Nha Trang
Từ 01/2000 ÷ 5/2003	Phó Phòng Kinh tế Kế hoạch Vật tư Xí Nghiệp Xây Lắp Điện Nha Trang
Từ 6/2003 ÷ 12/2004	Trưởng Phòng Kinh tế Kế hoạch Vật tư Công ty Xây lắp Điện 3.9
Từ 1/2005 ÷ 1/2006	Phó Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Kinh tế Kế hoạch Vật tư Công ty Cổ phần Xây lắp Điện 3.9
Từ 2/2006 ÷ nay	Phó Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Kinh tế Kế hoạch Vật tư Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT - Phó Giám đốc Công ty.

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 114.155 Cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 3,68 %
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không

3. Ông Phạm Trung Lân

- Số CMND : 225375761
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 19/06/1960
- Nơi sinh: Phường Phú Cát - TP Huế - tỉnh Thừa Thiên Huế
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 166 Mê Linh – Nha Trang – Khánh Hoà
- Điện thoại liên lạc: 0913 451142
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế, cao cấp chính trị
- Quá trình công tác

Từ 1979 ÷ 1983	Học tại trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng
Từ 1984 ÷ 1988	Nhân viên kế toán Phòng TC-KT, kế toán tổng hợp Công ty xây lắp đường dây và trạm 3 thuộc Bộ Năng Lượng
Từ 1988 ÷ 1995	Kế toán tổng hợp phòng TC-KT, làm nhân viên phòng Kinh tế Dự toán Công ty xây lắp điện 3
Từ 1996 ÷ 1999	Kế toán trưởng Tổng đội xây lắp điện 3
Từ 10/1999 ÷ 5/2003	Kế toán trưởng XN Xây Lắp Điện Nha Trang
Từ 6/2003 ÷ 12/2004	Trưởng Phòng Tài chính Kế toán Công ty Xây Lắp Điện 3.9

Từ 1/2005 ÷ 1/2006	Kế toán trưởng Công ty CP Xây Lắp Điện 3.9
Từ 2/2006 ÷ 6/2006	Kế toán trưởng Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 9
Từ 7/2006 ÷ nay	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 9

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT - Kế toán trưởng Công ty.
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 155.000 Cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 5,00 %
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: 0,32 %
- ✓ Vợ: Lê Thị Diệu Trang: 5.000 cổ phần
- ✓ Anh ruột: Phạm Trung Long: 5.000 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không.

4. Ông Nguyễn Văn Cải

- Số CMND : 125340717
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 04/04/1960
- Nơi sinh: An Thịnh - Gia Lương - Hà Bắc
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Thị trấn Thứa - Lương Tài - Bắc Ninh
- Điện thoại liên lạc: 0913 471658 - (058) 525 886
- Trình độ văn hoá: 7/10
- Trình độ chuyên môn: Sơ cấp điện
- Quá trình công tác

Từ 5/1976 ÷ 7/1977 Học sinh trường công nhân kỹ thuật Hà Bắc

Từ 8/1977 ÷ 9/1980 Công nhân xây lắp điện Đông Hà – Quảng Trị

Từ 10/1980 ÷ 11/1982	Công nhân tổng kho Cầu Đỏ - Đà Nẵng
Từ 12/1982 ÷ 8/1988	Công nhân Công ty xây lắp Điện 3
Từ 9/1988 ÷ 10/2000	Tổng đội phó đội Xây lắp điện 5 - Công ty xây lắp điện 3
Từ 11/2000 ÷ 5/2003	Đội Trưởng XN Xây lắp Điện Nha Trang
Từ 6/2003 ÷ 12/2004	Đội Trưởng Công ty Xây lắp Điện 3.9
Từ 1/2005 ÷ 1/2006	Đội trưởng Công ty CP Xây Lắp Điện 3.9
Từ 2/2006 ÷ nay	Đội trưởng Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 9

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT - Đội trưởng Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 9
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 11.760 Cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 0,38 %
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không

5. Ông Lưu Văn Kịch

- Số CMND : 090494335
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 17/03/1962
- Nơi sinh: Bình Dương - Gia Lương - Hà Bắc
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 18 Đặng Huy Trứ - Nha Trang - Khánh Hoà
- Điện thoại liên lạc: 0913 454768 – (058) 522 702
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp Xây dựng

- Quá trình công tác

Từ 6/1986 ÷ 11/1986	Nhân viên Phòng Kỹ thuật – Công ty Xây lắp đường dây và Trạm 3
Từ 12/1986 ÷ 10/1995	Trưởng ban Kế hoạch Kỹ thuật – Vật tư Tổng đội Xây lắp Điện 5
Từ 11/1995 ÷ 4/1999	Trưởng ban Kế hoạch Kỹ thuật – Vật tư Tổng đội Xây lắp Điện 3
Từ 5/1999 ÷ 4/2003	Phó Phòng phụ trách Phòng Kỹ thuật XN Xây lắp Điện Nha Trang
Từ 6/2003 ÷ 12/2004	Phó Phòng phụ trách Phòng Tổ chức Lao động Hành chính XN Xây lắp Điện Nha Trang
Từ 01/2005 ÷ 02/2006	Trưởng Phòng Kỹ thuật An toàn Công ty CP Xây lắp điện 3.9
Từ 03 /2006 ÷ đến nay	Trưởng phòng Kỹ thuật An toàn Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 9
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT - Trưởng Phòng Kỹ thuật An toàn
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 14.620 Cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 0,47 %
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không.

12.2 Thành viên Ban Kiểm soát

1. Ông Dương Chí Lục

- Số CMND: 220814175
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 04/10/1966

- Nơi sinh: Yên Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 06 Hùng Vương - Tp Nha Trang - tỉnh Khánh Hòa
- Điện thoại liên lạc: (058) 525 886
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Chuyên viên
- Quá trình công tác

Từ 12/1984 ÷ 1986	Công nhân xây lắp đội xây lắp điện 5 - Công ty xây lắp điện 3
Từ 1986 ÷ 1991	Tổ trưởng Tổng đội xây lắp điện 5 - Công ty xây lắp điện 3
Từ 1992 ÷ 1994	Chỉ huy Trưởng Công trình
Từ 1994 ÷ 2000	Kỹ thuật Trắc địa và Đền bù
Từ 2000 ÷ nay	Đội trưởng thi công, Chỉ huy Trưởng Công trình – Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 9

- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 10.718 Cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 0,34 %
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không

2. Nguyễn Đình Hà

- Số CMND : 172406333
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 10/11/1974
- Nơi sinh: Đồng Lễ - Đông Hải - Tp Thanh Hóa - tỉnh Thanh Hóa

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Thị trấn Nông Công - huyện Nông Công - tỉnh Thanh Hoá
- Điện thoại liên lạc: (058) 525 886
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác

Từ 4/1992 ÷ 6/1996 Công nhân Xây lắp Điện – Công ty Xây lắp Điện 3

Từ 7/1996 ÷ 7/2000 Sinh viên trường Đại học Công Đoàn

Từ 8/2000 ÷ 12/2004 Nhân viên phòng Tổ chức Lao động Hành chính – Công ty Xây lắp Điện 3.9

Từ 01/2005 ÷ 6/2006 Phó phòng phụ trách phòng Tổng hợp – Công ty CP Xây lắp Điện 3.9

Từ 7/2006 ÷ nay Thành viên Ban kiểm soát – Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 9

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát.
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 6.199 Cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 0,20 %
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không.

3. Trương Văn Sanh

- Số CMND : 225317954
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 10/08/1964
- Nơi sinh: xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: D32, chung cư số 9 Nguyễn Thiện Thuật, phường Lộc Thọ, Tp Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
- Điện thoại liên lạc: (058) 525 886
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp Kinh tế
- Quá trình công tác

Từ 8/1988 ÷ 11/1995 Kế toán trưởng Đội xây lắp điện 11 - Công ty Xây lắp Điện 3

Từ 12/1995 ÷ 5/1999 Kế toán Tổng hợp - Tổng Đội Xây lắp Điện 3 - Công ty Xây lắp Điện 3

Từ 6/1999 ÷ 5/2003 Kế toán Tổng hợp - Xí nghiệp Xây lắp Điện Nha Trang - Công ty Xây lắp Điện 3

Từ 6/2003 ÷ 12/2004 Kế toán Tổng hợp - Công ty Xây lắp Điện 3.9

Từ 01/2005 ÷ 02/2006 Kế toán Tổng hợp - Công ty CP Xây lắp Điện 3.9

Từ 03/2006 ÷ nay Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 9

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát.
 - Số lượng cổ phần nắm giữ: 7.592 Cổ phần.
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 0,25 %
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: 0,02 %
- Anh ruột: Trương Văn Sung : 600 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 - Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không.

12.3 Thành viên Ban giám đốc (xem Lý lịch chi tiết phần Sơ yếu Lý lịch Thành viên HĐQT)

1. Ông Nguyễn Văn Duyệt: Giám đốc
2. Ông Thái Bá Tuấn: Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch vật tư

13. Tài sản

Bảng 20 Một số tài sản chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2006

Đơn vị: đồng

STT	TÀI SẢN	NGUYÊN GIÁ (VND)	HAO MÒN LŨY KẾ (VND)	GT CÒN LẠI (VND)	TỶ LỆ CÒN LẠI (%)
I	Tài sản cố định hữu hình	17.172.544.009	2.246.300.045	14.926.243.964	86,92%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	11.783.135.920	608.227.088	11.174.908.832	94,84%
1,1	Nhà 3 tầng số 6 Hùng Vương	525.182.701	27.353.266	497.829.435	94,79%
1,2	Khối Khách sạn Xanh Nha Trang	10.036.281.724	524.210.598	9.512.071.126	94,78%
1,3	Khối nhà tầng 7, 8 hình thành từ DA cải tạo nâng	993.682.314	28.828.703	964.853.611	97,10%
1,4	Khác	227.989.181	27.834.521	200.154.660	87,79%
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.673.566.587	826.831.583	1.846.735.004	69,07%
2,1	Xe tải gắn cầu hiệu ASIA	345.238.095	138.095.238	207.142.857	60,00%
2,2	Xe đào đất SUMITOMO	128.000.000	64.000.000	64.000.000	50,00%
2,3	Xe ủi hiệu KOMATSU D40P	144.761.905	72.380.952	72.380.953	50,00%
2,4	Xe tải HYUNDAI BKS 79D 1552 có gắn cầu KANGLIM	707.333.318	127.839.329	579.493.989	81,93%
2,5	Xe tải tự ben hiệu HYUNDAI BKS 79H 4002	521.139.526	65.142.439	455.997.087	87,50%
2,6	Xe MITSUBISHI PAJERO V6 3000	539.104.714	179.701.572	359.403.142	66,67%

2,8	Khác	287.989.029	179.672.053	108.316.976	37,61%
3	Máy móc, thiết bị	2.552.717.411	773.170.689	1.779.546.722	69,71%
3,1	Máy phát điện TPV450	351.070.446	87.767.611	263.302.835	75,00%
3,2	Hệ thống thang máy KS	486.800.070	121.700.018	365.100.053	75,00%
3,5	Hệ thống điện thoại nội bộ	150.389.452	37.597.363	112.792.089	75,00%
3,6	Hệ thống mạng TVRO-CATV	228.349.907	57.087.477	171.262.430	75,00%
3,8	Khác	1.336.107.536	469.018.220	867.089.316	64,90%
4	Thiết bị văn phòng	163.124.091	38.070.685	125.053.406	76,66%
4,1	TIVI LG PLASMA 42" - 42PC1R	36.272.727	6.045.455	30.227.273	83,33%
4,2	Máy Photo KM 2530	43.737.879	17.495.152	26.242.727	60,00%
4,3	Khác	83.113.485	14.530.078	68.583.406	82,52%
II	Tài sản cố định vô hình	18.194.150.000	0	18.194.150.000	100,00%
1	Quyền sử dụng đất đất 06 Hùng Vương - Nha Trang_ thửa 105 BĐ11/	17.014.050.000	0	17.014.050.000	100,00%
2	Quyền sử dụng đất thửa 324-423 và 324-422 số nhà 22-24, đường số 52 phường Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP. HCM	1.000.000.000	0	1.000.000.000	100,00%
3	Khác	180.100.000	0	180.100.000	100,00%
	Tổng cộng	35.366.694.009	2.246.300.045	33.120.393.964	86,92%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9)

TSCĐ vô hình của Công ty 18.194.150.000 đồng là quyền sử dụng đất lâu dài, nên theo “Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”, Công ty không được trích khấu hao và không tính vào chi phí của doanh nghiệp.

Tình hình sử dụng đất đai của Công ty (thời điểm 31/12/2006)**Bảng 21:** *Tình hình nhà xưởng đất đai của Công ty tại thời điểm 31/03/2007*

STT	ĐỊA ĐIỂM	DIỆN TÍCH (m ²)	LOẠI HÌNH
1	Đất tại 06 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, Tp Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà - Khách sạn xanh 3 sao với 66 phòng cho thuê, nhà hàng và các dịch vụ khác; Nhà 3 tầng: Trụ sở làm việc của Công ty.	1.260,3	Đất nhận quyền sử dụng lâu dài
2	Đất tại 22, 24 đường số 52 phường Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP. HCM – Văn phòng Đại diện Công ty tại Tp Hồ Chí Minh	200	Đất nhận quyền sử dụng lâu dài
Tổng diện tích đất đai		1460,2	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Năm 2006, chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 1,392 triệu đồng do Công ty đang xây dựng văn phòng đại diện tại 22, 24 đường số 52 phường Tân Tạo, Q. Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh. Sang năm 2007, công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nên chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm Quý III/2007 chỉ còn 17 triệu đồng.

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2007 - 2009**Bảng 22:** Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong 3 năm tới

CHỈ TIÊU	2007	2008		2009	
	GIÁ TRỊ (1.000 ĐỒNG)	GIÁ TRỊ (1.000 ĐỒNG)	%TĂNG (GIẢM) SO VỚI 2007	GIÁ TRỊ (1.000 ĐỒNG)	%TĂNG (GIẢM) SO VỚI 2008
Vốn chủ sở hữu bình quân	32.944.192	82.983.592	151,89	121.852.692	46,84
Vốn điều lệ	31.000.000	56.500.000	82,26	80.500.000	42,48
Tổng Doanh thu	61.000.000	100.000.000	63,93	150.000.000	50,00
Tổng chi phí	54.900.000	88.000.000	60,29	127.500.000	44,89
Lợi nhuận trước thuế	6.100.000	12.000.000	96,72	22.500.000	87,50
Thuế thu nhập DN (*)	1.708.000	3.360.000	96,72	6.300.000	87,50
Lợi nhuận sau thuế	4.392.000	8.640.000	96,72	16.200.000	87,50
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	7,2%	8,64%		10,8%	
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	13,33%	10,41%		13,29%	
Tỷ lệ cổ tức (**)	17%	18%		20%	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9)

(*) Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm: 2007, 2008, 2009. Tuy nhiên, thuế suất thuế thu nhập DN vẫn tính là 28%, số thuế phải nộp sẽ được giảm 50% và số thuế được giảm này Công ty phải bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển theo quy định tại công văn số 499/TCDN ngày 16/01/2002 của Bộ Tài chính về việc quản lý hạch toán khoản thuế TNDN được miễn giảm tại các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu.

(**) Trong các năm 2007, 2008 và 2009 Công ty đều có kế hoạch tăng vốn điều lệ, tỷ lệ cổ tức được tính dựa trên vốn điều lệ bình quân.

*** Dự án đầu tư Xây dựng Khách sạn Xanh Nha Trang 2**

- Tên dự án: Dự án đầu tư Xây dựng Khách sạn Xanh Nha Trang 2
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang.
- Địa điểm xây dựng: Số 44 Nguyễn Thị Minh Khai - Nha Trang - Khánh Hòa.

- Quy mô xây dựng: 14 tầng, với diện tích sử dụng đất là 1.294 m², Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã cấp Giấy Chứng Nhận Đầu Tư số: 37121000029 ngày 25/09/2007 chứng nhận Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khách sạn 4 sao tại địa chỉ trên.
- Mục tiêu đầu tư, hình thức qui mô năng lực: Đầu tư xây dựng khách sạn với 126 phòng đạt tiêu chuẩn 4 sao, 01 hội trường lớn (400 chỗ), 02 hội trường nhỏ (200 chỗ). 01 nhà hàng lớn (450 chỗ), 02 nhà hàng nhỏ (150 chỗ), 01 nhà hàng sân vườn, 01 hồ bơi 50 m², dịch vụ Massage, xông hơi, Spa, Karaoke, quầy lưu niệm...
- **Tổng vốn đầu tư cho Dự án (bao gồm cả VAT): 87.000.000.000 VNĐ, trong đó:**
 - ✓ **Vốn vay: 47.000.000.000 VNĐ (có cam kết cho vay vốn của Ngân hàng nông nghiệp Khánh Hòa)**
 - ✓ **Vốn tự có: 40.000.000.000 VNĐ**

Trong đó:

* **Vốn đầu tư xây lắp các hạng mục, lắp đặt thiết bị : 83.000.000.000 VNĐ**

Bao gồm:

- Lập Dự án khả thi	162.000.000VNĐ
- Thẩm định Dự án đầu tư	24.300.000 VNĐ
- Chi phí đầu tư hạ tầng (bồi thường GPMB, HTKT, chi phí thuê đất), xây dựng các hạng mục công trình, thiết bị nội thất:	82.313.700.000VNĐ
- Thuế trước bạ	500.000.000 VNĐ

* **Vốn dự phòng: 4.000.000.000 VNĐ**

- **Phương án thu hồi vốn đầu tư:**

Bảng 23: Bảng Kế hoạch thu hồi vốn đầu tư của Dự án

Đvt: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	NĂM 1	NĂM 2	NĂM 3	NĂM 4
1	Doanh thu	41.793.028	49.011.945	57.494.943	67.247.467
2	Tổng chi phí	35.622.009	38.631.500	42.638.885	46.533.211
Trong đó: chi phí khấu hao		5.568.000	5.568.000	5.568.000	5.568.000
3	Lợi nhuận trước thuế	6.171.019	10.380.445	14.856.058	20.714.256
4	Thuế thu nhập	1.727.885	2.906.524	4.159.696	5.799.992
5	Lợi nhuận sau thuế	4.443.134	7.473.920	10.696.362	14.914.264
6	Dùng một phần lợi nhuận trả nợ (20%)	888.627	1.494.784	2.139.272	2.982.853
7	Lợi nhuận còn lại để trích các quỹ (20%)	888.627	1.494.784	2.139.272	2.982.853
8	Lợi nhuận sau thuế/Vốn đầu tư	5,11%	8,59%	12,29%	17,14%
9	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	10,63%	15,25%	18,60%	22,18%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9)

- *Tiến độ thực hiện của Dự án:* Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã cấp Giấy Chứng Nhận Đầu Tư số: 37121000029 ngày 25/09/2007 chứng nhận Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang thực hiện dự án. Hiện nay Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang đang lập Hồ sơ thiết kế công trình để trình UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt. Thời gian dự kiến Khách sạn Xanh Nha Trang 2 hoàn thành, đưa vào sử dụng cuối Quý III/2009.

*** Dự án đầu tư Thủy Điện Sông Chò 2:**

- Địa điểm xây dựng: Xã Khánh Hiệp Huyện Khánh Vĩnh - Khánh Hòa.
- Quy mô Công trình: Công suất 5,6MW

- Tổng mức đầu tư: 130.000.000.000 VNĐ (trong đó vốn vay: 90.000.000.00 VNĐ, vốn tự có: 40.000.000.000 VNĐ)
- Thời gian khởi công: Quý 1/2008
- Thời gian hoàn thành: Quý 4/2009

15. Căn cứ để đạt được kế hoạch về lợi nhuận và cổ tức nói trên

- Căn cứ vào dự báo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế các năm 2007, chiến lược phát kinh tế của Chính phủ cho Việt Nam đang trên đà tăng trưởng mạnh, bức tranh nền kinh tế hết sức khả quan. Điều này là thuận lợi đối với nhiều ngành nói chung trong đó có nhóm ngành công nghiệp xây dựng.
- Theo Phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực Việt Nam giai đoạn 2001 – 2010 có xét triển vọng đến 2020 (gọi tắt Quy hoạch điện V) của Thủ tướng Chính phủ số 95/2001/QĐ-TTG ngày 22/06/2001, thị trường xây lắp trong ngành điện trong thời gian tới còn rất tiềm năng. Đây là điều kiện thuận lợi cho sự tăng trưởng về doanh thu, lợi nhuận của Công ty trong thời gian tới.
- Trong năm 2008, Công ty sẽ được chọn là đơn vị thi công, xây dựng Nhà Máy Thủy điện Sông Chò 2 với giá trị xây lắp khoảng 20 tỷ đồng. Trong năm 2009, khách sạn Xanh Nha Trang 2 đi vào hoạt động tạo ra nguồn lợi nhuận tăng trưởng cho Công ty.
- Căn cứ Chiến lược kinh doanh từ 2007 đến 2009 đã được Công ty điều chỉnh cho phù hợp với tình hình hiện tại.
- Căn cứ vào tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2007. Đến nay, doanh thu đạt 92,7% so với kế hoạch và đạt 123 % giá trị thực hiện cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận trước thuế đạt 83,6% kế hoạch và 131% giá trị thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Căn cứ vào một số hợp đồng lớn đang thực hiện trong năm 2007 dưới đây.

Bảng 24: Một số hợp đồng lớn đang thực hiện trong năm 2007

STT	ĐỐI TÁC	SẢN PHẨM	THỜI HẠN	GIÁ TRỊ (Đ)
1	Ban quản lý dự án các Công trình điện Miền Nam	Xây lắp trạm biến áp 500 KV Ô Môn	Dự kiến Hoàn thành vào Quý I/2008	18.000.000.000
2	Ban quản lý dự án các Công trình điện Miền Nam	Xây lắp trạm biến áp 220 KV Phan Thiết	Dự kiến Hoàn thành vào Quý IV/2007	17.984.549.000
3	Ban quản lý dự án Điện lực Miền Nam – Công ty điện lực 2	Đường dây 110 KV Cần Thơ - Châu Thành	Dự kiến hoàn thành vào Quý IV/2007	7.311.103.000
4	Công ty Truyền tải Điện 3	Cải tạo lưới điện 110 KV thành phố Nha Trang	Dự kiến hoàn thành Quý III/2007	13.593.905.000
5	Ban quản lý dự án Điện lực Miền Nam – Công ty điện lực 2	Đường dây 110 KV Đà Lạt 1- Đà Lạt 2 - Suối Vàng	Dự kiến hoàn thành vào Quý II/2008	10.037.650.000
6	Điện lực An Giang – Công ty Điện lực 2	Xây lắp khoảng vượt sông Vàm Nao và nối tuyến Cù lao Ông Chưởng huyện Chợ Mới	Dự kiến hoàn thành vào Quý I/2008	3.909.750.000
7	Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	Đường dây 110 KV Đak Nông – Đak Mil	Dự kiến hoàn thành vào Quý I/2008	3.821.365.000
8	Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Nam	Đường dây 220 KV Hàm Thuận – Phan Thiết	Dự kiến hoàn thành vào Quý I/2008	20.268.496.000
9	Ban quản lý dự án Điện lực Miền Nam – Công ty Điện lực 2	Đường dây 110 KV Thủ Đức – Sóng thần	Dự kiến hoàn thành vào Quý II/2008	11.694.168.098
10	Ban quản lý dự án Điện lực Miền Nam – Công ty Điện lực 2	Đường dây 110KV cấp điện cho nhà máy sản xuất lốp xe KUMHO-Bình Dương	Hoàn thành vào Quý IV/2007	2.296.459.827

STT	ĐỐI TÁC	SẢN PHẨM	THỜI HẠN	GIÁ TRỊ (Đ)
11	Ban quản lý dự án Các công trình điện Miền Nam	Đường dây 220 KV Bà Rịa Vũng Tàu	Dự kiến hoàn thành vào Quý IV/2008	15.283.073.191
12	Ban quản lý dự án Điện lực Miền Nam – Công ty Điện lực 2	Trạm biến áp 110 KV Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Dự kiến hoàn thành vào Quý II/2008	7.034.954.676
13	Ban quản lý dự án Điện lực Miền Nam – Công ty Điện lực 2	Trạm biến áp 110 KV Đà Lạt 2, tỉnh Lâm Đồng	Dự kiến hoàn thành vào Quý II/2008	6.594.110.423
14	Ban quản lý dự án Các công trình điện Miền Nam	Gói thầu số 03 :” Xây lắp trạm, HT thông tin liên lạc, thuộc dự án Trạm Biến áp 110 KV Vĩnh An - Tỉnh Đồng Nai”	Dự kiến hoàn thành vào Quý III /2008	6.849.709.008
	TỔNG CỘNG			144.679.293.223

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9

16. Đánh giá của Tổ chức Tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9 cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Đồng thời dựa trên kết quả kinh doanh trong các năm vừa qua, năng lực của Công ty và mức tăng trưởng dự tính sắp tới của ngành, SSI nhận thấy kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty có tính khả thi nếu không có những biến động ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của doanh nghiệp. Theo chiến lược phát triển ngành du lịch Việt Nam trong giai đoạn 2001-2010, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân của ngành du lịch thời kỳ 2001-2010 là 11-11,5%. Theo chiến lược phát triển kinh tế xã hội Việt Nam trong giai đoạn 2001-2010, tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp (kể cả xây dựng) bình quân trong 10 năm tới đạt khoảng 10 – 10,5%/năm. Công ty đưa ra tỷ lệ cổ tức tăng dần qua các năm, đạt 17 % năm 2007, 18% năm 2008, 20% năm 2009. Những nhận xét trên chỉ mang tính tham khảo mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết

- Không có

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu.

- Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**1. Loại chứng khoán**

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

- Tổng số chứng khoán niêm yết: 3.100.000 cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức hiện hành

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật: 826.698 cổ phiếu (cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo).

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập theo quy định của pháp luật là: 189.500 cổ phiếu (thời hạn hạn chế chuyển nhượng là 03 năm, từ ngày 31/12/2004 đến ngày 31/12/2007 được tự do chuyển nhượng).

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của cán bộ công nhân viên theo giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 207/UBCK-GCN do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/11/2007 là: 55.000 cổ phiếu trong thời gian 02 năm (từ ngày 20/11/2007 đến ngày 20/11/2009 được tự do chuyển nhượng).

5. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách của cổ phiếu được tính theo công thức:

$$= (\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Quỹ khen thưởng, phúc lợi}) / \text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}$$

Tại thời điểm 31/12/2006, giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9 là $= [18.811.314.024 - (- 12.596.963)] / 1.445.960 = 13.087$ đồng/cổ phiếu.

Tại thời điểm 30/9/2007, giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9 là $= [20.790.116.324 - (- 11.932.913)] / 1.450.000 = 14.346$ đồng/cổ phiếu.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Các pháp nhân và thể nhân nước ngoài có thể mua cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9 theo đúng quy định về tỷ lệ sở hữu của người nước ngoài trong một tổ chức niêm yết. Cụ thể tỷ lệ nắm giữ tối đa là 49% tổng số cổ phiếu của Công ty theo Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 90/2005/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg.

7. Các loại thuế có liên quan:

- Công ty được ưu đãi về thuế theo Nghị định 64/2002/NĐ/CP của Chính phủ ngày 19/06/2002: Công ty được miễn giảm thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo. Như vậy, Công ty được miễn thuế trong 2 năm 2005, 2006, số thuế được miễn Công ty bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển. Công ty được giảm 50 % số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo: 2007, 2008, 2009, số thuế được giảm Công ty bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển.
- Thuế suất thuế TNDN là 28%

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT NIÊM YẾT

1. Tổ chức Tư vấn

❖ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

✓ Trụ sở chính

Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08-8242897

Fax: 08-8247430

Email: ssi@ssi.com.vnWebsite: www.ssi.com.vn

- ✓ *CN Nguyễn Công Trứ - Công ty Chứng khoán Sài Gòn*
180-182 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1. HCM
Điện thoại: 08.821567 Fax: 08.2910590
- ✓ *CN Công ty Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội*
1C Ngô Quyền – Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 04.9366321 Fax: 04.9366311
- ✓ *CN Trần Bình Trọng – Công ty Chứng khoán Sài Gòn*
25 Trần Bình Trọng – Hoàn Kiếm – Hà Nội
Điện thoại: 04. 9426718 Fax: 04. 9426719
- ✓ *CN Hải Phòng - Công ty Chứng khoán Sài Gòn*
22 Lý Tự Trọng - quận Hồng Bàng - Hải Phòng
Điện thoại: 031.3569123 Fax: 031.35691302

2. Tổ chức Kiểm toán

- ❖ Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh
Địa chỉ: 63 Trần Khánh Dư, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.8) 5265 796 Fax: (84.8) 8435 590

VII. PHỤ LỤC

- **Phụ lục 1:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- **Phụ lục 2:** Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty
- **Phụ lục 3:** Các báo cáo tài chính kiểm toán năm 2005, 2006; báo cáo quyết toán Quý III/2007
- **Phụ lục 4:** Danh sách và sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát
- **Phụ lục 5:** Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua niêm yết;
- **Phụ lục 6:** Sổ đăng ký cổ đông
- **Phụ lục 7:** Cam kết nắm giữ của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát

- **Phụ lục 8:** Cam kết của cổ đông nội bộ và cổ đông lớn không chuyển nhượng trong quá trình thẩm định hồ sơ
- **Phụ lục 9:** Hợp đồng tư vấn niêm yết.
- **Phụ lục 10:** Giấy ủy quyền nhân viên công bố thông tin và quy trình nội bộ về công bố thông tin
- **Phụ lục 11:** Tài liệu về đợt phát hành
- **Phụ lục 12:** Các tài liệu khác

Nha Trang, ngày 18 tháng 12 năm 2007

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 9
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN DUY

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

DƯƠNG CHÍ LỤC

PHẠM TRUNG LÂN